

DANH SÁCH THÍ SINH THI VÒNG 2
CUỘC THI VÔ ĐỊCH TOEFL PRIMARY DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC NĂM HỌC 2015-2016 TẠI HẢI PHÒNG

Ngày thi: 27-12-2015

Địa điểm thi: Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền
Số 6 Máy Tơ - quận Ngô Quyền - Hải Phòng

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1	Bùi Mạnh Sơn	Sơn	21/Dec/07	51203021	3A1	3	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
2	Lê Hà	Trang	5/Mar/07	51203022	3A1	3	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
3	Trần Khánh	Ngọc	20/Oct/07	51203033	3A5	3	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
4	Vũ Hoàng	Mai	16/Dec/07	51203034	3A6	3	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
5	Trần Minh	Ngọc	1/Feb/06	51203273	4A2	4	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
6	Ngô Vi Yến	Nhi	13/Feb/06	51203275	4A3	4	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
7	Phạm Duy	Phát	31/Oct/06	51203276	4A3	4	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
8	Lê Tiến	Bình	2/Jul/05	51203278	5A1	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
9	Phạm Văn Quốc	Anh	10/Nov/05	51203279	5A1	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
10	Đinh Thị Thanh	Tâm	1/Dec/05	51203280	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
11	Đinh Thị Yến	Linh	21/Jan/05	51203281	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
12	Đỗ Diệu	Hoa	10/Jan/05	51203282	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
13	Đỗ Mạnh	Cường	21/Jul/05	51203283	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
14	Đỗ Thị Thanh	Thảo	3/Feb/05	51203284	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
15	Lê Hoàng Nhật	Minh	18/Apr/05	51203285	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
16	Lê Thị Phương	Thanh	18/Jun/05	51203286	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
17	Lương Thị Hồng	Nhung	17/Jan/05	51203287	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
18	Phan Trần Nhật	Minh	25/Jul/05	51203289	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
19	Tạ Huy	Hùng	5/Aug/05	51203290	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
20	Trịnh Hồng	Hạnh	11/Nov/05	51203291	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
21	Vũ Hải	Yến	26/Nov/05	51203292	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
22	Vũ Hương	Giang	29/Aug/05	51203293	5A2	5	TH Đăng Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
23	Bùi Phương	Linh	11/Feb/06	51203090	4A2	4	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
24	Chu Bích	Loan	21/May/06	51203091	4A2	4	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 1 (7:30-9:30)
25	Đỗ Ngọc	Minh	21/Jun/06	51203093	4A2	4	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
26	Vũ Mai	Phương	29/Aug/06	51203108	4A2	4	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
27	Đào Thị Thu	Trang	7/Dec/05	51203119	5A1	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
28	Đỗ Khánh	Vân	30/Aug/05	51203120	5A1	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
29	Nguyễn Mạnh	Tùng	4/Sep/05	51203123	5A1	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
30	Nguyễn Thùy	Linh	19/Jan/05	51203124	5A1	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
31	Nguyễn Văn	Duy	5/Feb/05	51203125	5A1	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
32	Trần Hà	My	20/Mar/05	51203128	5A1	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
33	Nguyễn Minh	Đức	6/Aug/05	51203132	5A2	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
34	Vũ Xuân	Hung	9/Sep/05	51203134	5A2	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
35	Lê Hà	Phuong	17/Nov/05	51203139	5A4	5	TH Đông Hải 2	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
36	Đào Nguyễn Hà	Vi	13/Nov/07	51200221	3A2	3	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
37	Nguyễn Tiến	Đạt	2/Oct/07	51200225	3A5	3	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
38	Dương Tú	Anh	1/May/06	51200228	4A1	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
39	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	21/Dec/06	51200233	4A1	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
40	Phạm Thùy	Dung	18/Nov/06	51200235	4A1	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
41	Nguyễn Thị Diệu	Anh	9/Mar/06	51200245	4A6	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
42	Trần Thu	Hiền	20/Mar/06	51200247	4A6	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
43	Vũ Hà	My	1/Aug/06	51200249	4A6	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
44	Vương Khánh	Linh	19/Mar/06	51200250	4A6	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
45	Đỗ Gia	Đạt	14/Sep/05	51200253	5A1	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
46	Đào Thị Hà	Vy	3/May/05	51200270	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
47	Lâm Đức	Trung	28/Jan/05	51200273	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)
48	Lê Hoàng	Anh	28/Jun/05	51200274	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
49	Lương Quỳnh	Anh	21/Aug/05	51200275	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
50	Lưu Thị Khánh	Ngân	24/Apr/05	51200276	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
51	Nguyễn Hoàng Xuân	Hiếu	28/Oct/05	51200281	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
52	Phạm Hoài	An	4/May/05	51200284	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
53	Phạm Trúc	Mai	8/Nov/05	51200285	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
54	Trần Vũ Khánh	Ngọc	26/Oct/05	51200286	5A6	5	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
55	Nguyễn Ngọc	Anh	22/Nov/07	51200931	3A2	3	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
56	Nguyễn Thị Nhật	Linh	20/Jan/06	51200957	4A1	4	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
57	Lê Ngọc	Anh	2/Nov/06	51200973	4A4	4	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
58	Phạm Thị Minh	Châu	21/Jan/06	51200981	4A4	4	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
59	Nguyễn Thị Minh	Anh	15/Jan/06	51200989	4A5	4	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
60	Hoàng Minh	Doãn	20/Jun/05	51201001	5A5	5	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
61	Nguyễn Thanh	Tâm	4/Oct/05	51201003	5A5	5	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
62	Lương Đắc Thành	Đạt	29/Aug/07	51201509	3A1	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
63	Mai Duy Hải	Long	26/Mar/07	51201510	3A1	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
64	Nguyễn Đặng Nhật	Quang	13/Dec/07	51201511	3A1	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
65	Nguyễn Hữu	Phúc	12/Sep/07	51201512	3A1	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
66	Nguyễn Thảo	Ly	28/Oct/07	51201514	3A1	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
67	Nguyễn Thu Hoàng	Hà	2/Mar/07	51201515	3A1	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
68	Nguyễn Trần Thanh	Phong	13/Jun/07	51201516	3A1	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
69	Đào Mỹ	Dung	16/Mar/07	51201522	3A2	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
70	Nguyễn Khánh	Minh	22/May/07	51201526	3A2	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
71	Phạm Hoàng Khôi	Nguyên	10/Jul/07	51201530	3A2	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
72	Trần Thượng	Quang	27/Mar/07	51201533	3A2	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 1 (7:30-9:30)
73	Vũ Hoàng Hà	Vân	11/Mar/07	51201534	3A2	3	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
74	Đào Quỳnh	Nhi	13/Mar/06	51201537	4A1	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
75	Lê Thị Minh	Châu	3/Apr/06	51201540	4A1	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
76	Lưu Thị Ánh	Dương	18/May/06	51201541	4A1	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
77	Nguyễn Khánh	Linh	11/Jan/06	51201542	4A1	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
78	Nguyễn Phùng Minh	Khuê	31/Dec/06	51201543	4A1	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
79	Tần Phi	Vũ	23/Sep/06	51201545	4A1	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
80	Vũ Thu	Huyền	17/Apr/06	51201546	4A1	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
81	Đặng Trần Thanh	Thanh	3/Apr/06	51201551	4A2	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
82	Đào Đình	Bách	19/Sep/06	51201552	4A2	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
83	Đào Phạm Quang	Anh	24/Sep/06	51201553	4A2	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
84	Đào Việt	Dũng	11/Jan/06	51201554	4A2	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
85	Nguyễn Phạm Hùng	Khánh	21/Sep/06	51201558	4A2	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
86	Phạm Lê Hải	Nam	27/Oct/06	51201562	4A2	4	PTNC Hai Bà Trưng	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
87	Lê Thị Huyền	Trang	8/May/06	51202160	4A1	4	Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
88	Đào Ngọc	Khánh	23/Aug/07	51201617	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
89	Hồ Khánh	Uyên	3/Oct/07	51201620	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
90	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	29/Jun/07	51201636	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
91	Phạm Bảo	Ngọc	14/Jan/07	51201639	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
92	Phạm Đức	Mạnh	8/Sep/07	51201640	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
93	Phạm Quỳnh	Trang	22/Feb/07	51201643	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
94	Quán Nam	Khánh	3/Aug/07	51201647	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
95	Trương Minh	Nhật	1/Sep/07	51201658	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
96	Phạm Nguyễn	Hoàng	3/Mar/06	51201669	4D3	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 1 (7:30-9:30)
97	Mai Tường	Anh	3/May/06	51201866	4D3	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
98	Vũ Nguyễn Hiền	Minh	1/Aug/05	51201931	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
99	Phạm Tiến	Duẩn	26/May/07	51202040	3A1	3	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
100	Trần Đặng Ngọc	Anh	10/Apr/07	51202041	3A1	3	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
101	Bùi Lê Hoàng	An	12/Jan/06	51202042	4A1	4	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
102	Hoàng Vũ Minh	Thư	28/Sep/06	51202043	4A1	4	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
103	Lê Minh	Quân	11/Jun/06	51202044	4A1	4	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
104	Lương Tuấn	Đạt	14/Jul/06	51202045	4A1	4	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
105	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/Apr/06	51202048	4A1	4	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
106	Dương Thành	Đạt	18/Aug/05	51202049	5A1	5	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
107	Nguyễn Hà	My	14/Jul/05	51202050	5A1	5	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
108	Nguyễn Minh	Hằng	8/Apr/05	51202051	5A1	5	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
109	Nguyễn Thế	Nam	16/Jun/05	51202052	5A1	5	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
110	Phạm Phương	Linh	16/Apr/05	51202053	5A1	5	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
111	Phí Phương	Mai	23/Jul/05	51202054	5A1	5	TH Nguyen Khuyen	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
112	Lã Thanh	Trúc	4/Mar/05	51202198	5A1	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
113	Lê Tùng	Lâm	13/Feb/05	51202199	5A1	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
114	Phạm Hà	Phương	19/Jan/05	51202208	5A2	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
115	Nghiêm Thùy	Linh	12/Sep/06	51202162		4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
116	Phạm Tuấn	Hùng	26/Jan/06	51201493	4A	4	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
117	Đình Việt	Hoàng	6/Jul/06	51201494	4B	4	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
118	Lê Nguyễn Kì	Hoa	13/Aug/05	51201499	5B	5	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
119	Nguyễn Chúc	Linh	12/Nov/05	51201501	5B	5	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)
120	Nguyễn Đăng	Thành	1/Dec/05	51201502	5B	5	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
121	Phạm Minh	Ngọc	8/May/05	51201503	5B	5	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
122	Phạm Phú	Phúc	3/Nov/05	51201504	5B	5	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
123	Phạm Phương	Anh	3/Oct/05	51201505	5B	5	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
124	Trịnh Vĩnh	Phước	24/Aug/05	51201506	5B	5	PT Hermann Gmeiner	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
125	Bùi Phạm Bảo	Hân	26/Mar/07	51201564	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
126	Cao Minh	Trí	8/Sep/07	51201566	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
127	Cao Quỳnh	Anh	18/Jan/07	51201567	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
128	Hoàng Ngọc	Lam	13/Mar/07	51201576	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
129	Nguyễn Dương Anh	Minh	6/Jun/07	51201585	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
130	Nguyễn Thị Phương	Linh	22/May/07	51201594	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
131	Phạm Nguyễn Minh	Hiền	24/Sep/07	51201600	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
132	Phạm Thanh	Phương	3/Apr/07	51201601	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
133	Trần Hoàng Khánh	Đan	23/Aug/07	51201606	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
134	Vũ Phương Bảo	Hân	3/Jun/07	51201610	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
135	Vũ Tô Nhật	Minh	11/Sep/07	51201611	3c3	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
136	Nguyễn Thanh	Phong	7/Jan/07	51201634	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
137	Phạm Trần Phương	Anh	22/Mar/07	51201644	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
138	Trần Minh	Châu	24/Jan/07	51201650	3C7	3	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
139	Cao Thanh	Huong	19/Oct/06	51201665	4D3	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
140	Đoàn Quốc	Hung	12/Aug/06	51201666	4D3	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
141	Bùi Ngọc	Linh	19/Apr/06	51201673	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
142	Đặng Mỹ	Huyền	30/Jan/06	51201674	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
143	Đặng Xuân	Bách	25/Jan/06	51201675	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
144	Đỗ Trang	Nhi	5/May/06	51201676	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 1 (7:30-9:30)
145	Hà Thúy	Quỳnh	12/Feb/06	51201677	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
146	Lê Trung	Kiên	11/Jul/06	51201680	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
147	Lưu Quỳnh	Chi	16/Jun/06	51201681	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
148	Ngô Thị Khánh	Nhi	9/Oct/06	51201682	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
149	Nguyễn Bách	Việt	21/Jul/06	51201683	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
150	Nguyễn Huyền	Trang	21/Mar/06	51201684	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
151	Nguyễn Phạm Hà	Anh	21/Oct/06	51201685	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
152	Phạm Ngọc	Huyền	14/May/06	51201687	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
153	Trần Trang	Linh	2/Dec/06	51201693	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
154	Vũ Đoan Mai	Trang	22/Oct/06	51201694	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
155	Vũ Quỳnh	Trang	25/Jan/06	51201695	4D6	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
156	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	24/Dec/06	51201697	4D8	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
157	Nguyễn Quỳnh	Mai	10/Jun/06	51201699	4D8	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
158	Phạm Khánh	Linh	13/Sep/06	51201700	4D8	4	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
159	Vũ Đạt	Kỳ	29/Sep/05	51201721	5H4	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
160	Bùi Đức Nhật	Minh	23/Mar/05	51201722	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
161	Đặng Phương	Anh	6/Jul/05	51201725	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
162	Đào Thu	Hằng	26/May/05	51201726	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
163	Đinh Xuân Thái	Hưng	30/Oct/05	51201729	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
164	Lê Hoàng	Bách	22/Nov/05	51201734	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
165	Lê Quang	Đạt	28/Dec/05	51201736	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
166	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	8/Jan/05	51201739	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
167	Nguyễn Kim Tùng	Quân	19/Apr/05	51201743	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
168	Nguyễn Phương	Linh	31/May/05	51201747	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 1 (7:30-9:30)
169	Nguyễn Trần Bảo	Khôi	28/May/05	51201750	5H6	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
170	Đoàn Gia	Khánh	7/May/05	51201765	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
171	Khuất Nguyễn Thảo	Linh	1/Jun/05	51201769	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
172	Lê Minh	Hiếu	29/Jan/05	51201770	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
173	Mai Tùng	Dương	26/May/05	51201771	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
174	Nguyễn Minh	Khiêm	13/Dec/05	51201776	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
175	Nguyễn Quang Mạnh	Đức	23/May/05	51201778	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
176	Nguyễn Thị Minh	Châu	8/Feb/05	51201781	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
177	Nguyễn Thị Thanh	Trà	9/Jan/05	51201782	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
178	Nguyễn Tuấn	Dương	8/Jan/05	51201783	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
179	Nguyễn Viết	Quang	6/Oct/05	51201784	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
180	Phạm Bảo	Linh	27/Sep/05	51201787	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
181	Phạm Huy Châu	Long	12/Aug/05	51201792	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
182	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	4/Oct/05	51201793	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
183	Phạm Thu	Hà	23/Oct/05	51201795	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
184	Quách Thị Hải	Anh	27/Nov/05	51201798	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
185	Tạ Viết Anh	Xuân	28/Mar/05	51201799	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
186	Trần Phương	Thảo	28/Feb/05	51201801	5H7	5	TH Chu Văn An	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
187	Bùi Hải	Ngọc	22/Feb/06	51201806	4A	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
188	Bùi Thị Thu	Thảo	23/Nov/06	51201808	4A	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
189	Lê Minh	Tuấn	10/Aug/06	51201809	4A	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
190	Ngô Thị	Chi	13/Apr/06	51201810	4A	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
191	Nguyễn Thị Minh	Khuê	18/Nov/06	51206157	4A	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)
192	Trần Phước	Duy	26/Jun/06	51201811	4A	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 8	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
193	Vũ Quang	Hưng	22/Mar/06	51201812	4A	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
194	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/Apr/06	51201813	4C	4	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
195	Đoàn Phương	Thảo	2/Nov/05	51201814	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
196	Lưu Huyền	Linh	15/Jul/05	51201816	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
197	Nguyễn Đức	Anh	15/Jul/05	51201817	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
198	Nguyễn Hà	Phương	26/Jul/05	51201818	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
199	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	22/Mar/05	51201815	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
200	Nguyễn Quang	Minh	17/Apr/05	51201819	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
201	Nguyễn Trà	My	21/Sep/05	51201821	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
202	Trần Đình	Long	8/Aug/05	51201822	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
203	Vũ Phương	Lam	5/Jan/05	51201823	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
204	Vũ Thanh	Phương	2/Dec/05	51201824	5A	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
205	Phạm Ngọc Huyền	Trân	7/Jan/05	51201825	5C	5	TH Kim Đồng	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
206	Đoàn Bảo	Minh	19/Jun/07	51201833	3C8	3	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
207	Vũ Ngân	Hà	27/Apr/07	51201839	3C8	3	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
208	Đỗ Bảo	Liên	22/Dec/06	51201845	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
209	Fajcová Tú	Anh	30/Aug/06	51201846	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
210	Nguyễn Thị Hoài	An	1/Dec/06	51201850	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
211	Nguyễn Thị Quỳnh	Thư	26/May/06	51201851	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
212	Phạm Hoàng	Nam	23/May/06	51201853	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
213	Phạm Minh	Khôi	15/Jul/06	51201854	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
214	Phạm Xuân	Thái	14/May/06	51201856	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
215	Phan Thanh Hải	Ngọc	14/Jun/06	51201857	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
216	Quách Thanh	Tuấn	11/Jul/06	51201859	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 1 (7:30-9:30)
217	Vũ Minh	Nghĩa	18/Aug/06	51201861	4D2	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
218	Nguyễn Hữu	Nam	12/Jan/06	51201868	4D3	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
219	Nguyễn Quốc	Hùng	5/Dec/06	51201869	4D3	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
220	Nguyễn Vũ Bảo	Trung	9/Aug/06	51201871	4D3	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
221	Lê Quang	Minh	9/Oct/06	51201875	4D4	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
222	Bùi Thị Trang	Nhung	20/Oct/06	51201879	4D5	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
223	Nguyễn Tùng	Anh	3/Jul/06	51201885	4D5	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
224	Phạm Hoàng	Bách	6/Mar/06	51201886	4D5	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
225	Phạm Tuấn	Minh	10/Oct/06	51201887	4D5	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
226	Phạm Thành	Đạt	16/Mar/06	51201891	4D6	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
227	Đỗ Tuấn	Minh	21/Oct/06	51201894	4D7	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
228	Hoàng Ngọc Quỳnh	Anh	4/Nov/06	51201895	4D7	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
229	Nguyễn Huy	Đức	9/Aug/06	51201900	4D7	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
230	Phùng Nhật	Minh	13/Nov/06	51201901	4D7	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
231	Vũ Minh	Tâm	7/Dec/06	51201902	4D7	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
232	Đoàn Khánh	Chi	9/May/06	51201905	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
233	Lê Quỳnh	Chi	30/Oct/06	51201906	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
234	Nguyễn Đức	Nhân	9/Mar/06	51201907	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
235	Nguyễn Kim	Chi	1/Jul/06	51201908	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
236	Nguyễn Ngọc	Diệp	7/Jan/06	51201909	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
237	Phạm Phương	Thảo	1/Sep/06	51201911	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
238	Phạm Trọng	Nghĩa	15/Jan/06	51201912	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
239	Võ Hồng	Duy	28/Jan/06	51201913	4D8	4	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
240	Đặng Xuân Hạnh	Mai	31/Oct/05	51201914	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 1 (7:30-9:30)
241	Đoàn Ngọc	Đức	1/Sep/05	51201916	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
242	Đoàn Phương	Anh	18/May/05	51201917	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
243	Lê Thị Minh	Khuê	1/Aug/05	51201919	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
244	Lê Việt	Hòa	5/Oct/05	51201920	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
245	Ngô Trịnh Quang	Minh	14/Dec/05	51201921	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
246	Phạm Bích	Phương	28/Mar/05	51201925	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
247	Phạm Linh	Phong	2/Jul/05	51201926	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
248	Phạm Nguyễn Yến	Dương	12/Nov/05	51201927	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
249	Trần Yến	Nhi	2/May/05	51201930	5H2	5	TH Lê Hồng Phong	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
250	Nguyễn Bá Duy	Anh	12/Jan/07	51201936	3C1	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
251	Nguyễn Phương	Mai	28/Sep/07	51201939	3C1	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
252	Nguyễn Quỳnh	Nhi	13/Sep/07	51201940	3C1	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
253	Nguyễn Thị Tâm	Nhi	11/Sep/07	51201941	3C1	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
254	Vũ Gia	Hân	2/Dec/07	51201943	3C1	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
255	Đặng Bình Vân	Trang	14/Oct/07	51201945	3C2	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
256	Nguyễn Khánh	Ngọc	2/Jan/07	51201944	3C2	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
257	Phạm Khải	Hoàn	2/Apr/07	51201946	3C2	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
258	Phạm Khánh	Ngọc	19/Jul/07	51201947	3C2	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
259	Trần Phương	Chi	1/Nov/07	51201951	3C2	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
260	Trần Thị Ngọc	Hoa	14/Feb/07	51201952	3C2	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
261	Trương Thị Ngọc	Chinh	24/Sep/07	51201953	3C2	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
262	Vũ Thị Minh	Tâm	3/Jan/07	51201959	3C4	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
263	Phạm Thu	Trâm	9/Sep/07	51201967	3C6	3	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)
264	Đoàn Minh	Son	8/Mar/06	51201975	4D1	4	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
265	Nguyễn Huy	Hoàng	9/Jun/06	51201980	4D1	4	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
266	Trần Kiều	Anh	16/Dec/06	51207984	4D1	4	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
267	Vũ Trần Minh	Anh	16/Apr/06	51201987	4D1	4	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
268	Tổng Gia	Bảo	14/Sep/06	51201990	4D2	4	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
269	Đoàn Hồng	Vinh	20/Jun/06	51201994	4D5	4	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
270	Đỗ Hoàng	Kỳ	18/Nov/05	51202003		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
271	Đoàn Lê Kiều	Trang	13/Aug/05	51202005		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
272	Hoàng Đức	Tiến	13/Sep/05	51202006		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
273	Lương Thị Thanh	Nhàn	19/Aug/05	51202010		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
274	Lý Hồng	Đức	26/Feb/05	51202011		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
275	Ngô Quốc	Vượng	14/Mar/05	51202012		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
276	Nguyễn Đình Hồng	Phúc	25/Jan/05	51202015		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
277	Nguyễn Việt	Dũng	18/Feb/05	51202024		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
278	Nguyễn Viết Tuấn	An	31/Aug/05	51202025		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
279	Phạm Hà	Quyên	27/Sep/05	51202028		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
280	Trần Khánh	Hà	9/Mar/05	51202034		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
281	Trần Khánh	Linh	27/Sep/05	51202035		5	TH Nguyễn Du	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
282	Đỗ Phạm Gia	Huy	14/Jan/07	51202305	3C1	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
283	Nguyễn Minh	Anh	27/Apr/07	51202308	3C1	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
284	Nguyễn Hoài	Linh	25/Feb/07	51202310	3C1	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
285	Nguyễn Hữu Hoàng	Huy	12/Sep/07	51202311	3C1	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
286	Phạm Phương	Linh	17/Jun/07	51202312	3C1	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
287	Vũ Cao Anh	Son	8/Mar/07	51202315	3C1	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
288	Đỗ Nguyễn Gia	Linh	8/Feb/07	51202317	3C2	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 1 (7:30-9:30)
289	Lâm Thu	Trang	18/Feb/07	51202318	3C2	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
290	Nguyễn Hoàng	Son	5/Sep/07	51202319	3C2	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
291	Phạm Hữu	Toàn	19/Feb/07	51202320	3C4	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
292	Phan Nguyễn Thùy	Dương	25/Jul/07	51202321	3C4	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
293	Nguyễn Minh	Huyền	17/Aug/07	51202327	3C6	3	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
294	Bùi Thanh	Bình	27/Mar/06	51202328	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
295	Đặng Hồng	Phúc	19/Apr/06	51206199	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
296	Hoàng Gia	Huy	29/Jul/06	51202332	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
297	Hoàng Thị Hương	Giang	22/Jan/06	51202333	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
298	Lê Diệu	Huyền	9/May/06	51202334	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
299	Ngô Thế	Trung	15/Aug/06	51202336	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
300	Nguyễn Hoàng	Phúc	25/Jan/06	51202337	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
301	Nguyễn Minh	Tiến	13/Jun/06	51202338	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
302	Nguyễn Nam	Bình	20/May/06	51202339	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
303	Nguyễn Phúc	Thành	31/Oct/06	51202340	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
304	Phạm Đức	Thuận	23/Mar/06	51202341	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
305	Phạm Minh	Hiếu	2/Aug/06	51202342	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
306	Phạm Thành	Hưng	21/Sep/06	51202343	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
307	Phạm Thành	Luân	28/Jan/06	51202344	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
308	Trần Duy	Anh	15/Aug/06	51202347	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
309	Vũ Phương	Linh	30/Oct/06	51202348	4D1	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
310	Trần Minh	Hà	2/Mar/06	51202352	4D2	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
311	Trần Quang	Minh	23/Sep/06	51202353	4D2	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
312	Trần Yến	Nhi	9/May/06	51202354	4D2	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 1 (7:30-9:30)
313	Đào Thị Minh	Hào	14/Apr/06	51206104	4D3	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
314	Hà Tiến	Minh	22/Feb/06	51202358	4D3	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
315	Hoàng Đức	Anh	13/Nov/06	51206198	4D3	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
316	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	19/Oct/06	51206197	4D3	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
317	Nguyễn Thành	Hưng	30/Aug/06	51202362	4D3	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
318	Phạm Vũ Hà	Anh	1/Oct/06	51202364	4D3	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
319	Nguyễn Doãn Thiện	Nhân	14/Dec/06	51202369	4D4	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
320	Nguyễn Văn	Mạnh	14/Sep/06	51202370	4D4	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
321	Phạm Minh	Anh	14/Jun/06	51202371	4D4	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
322	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	7/Apr/06	51202373	4D5	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
323	Nguyễn Thị Hà	My	31/Jan/06	51202375	4D5	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
324	Nguyễn Thu	Phương	21/Sep/06	51202376	4D5	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
325	Nguyễn Tuấn	Lâm	25/Apr/06	51202378	4D5	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
326	Nguyễn Vân	Khánh	15/Aug/06	51202380	4D5	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
327	Đình Nam	Khánh	21/Apr/06	51202382	4D6	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
328	Lại Phương	Linh	16/Jun/06	51202383	4D6	4	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
329	Bùi Khai	Tuệ	19/Jun/05	51202385		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
330	Chu Minh	Quân	6/Apr/05	51202386		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
331	Đặng Thế	Son	18/Feb/05	51202387		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
332	Đoàn Mạnh	Hà	14/Jul/05	51202389		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
333	Hoàng Long Thái	Son	7/Jun/05	51202391		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
334	Lê Thuận	Linh	20/Apr/05	51202392		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
335	Nguyễn Đặng Nhật	Minh	21/Jun/05	51202394		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)
336	Nguyễn Diệu	Ngân	17/May/05	51202395		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
337	Nguyễn Phi	Long	14/Nov/05	51202398		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
338	Nguyễn Việt	Hoàng	8/Jul/05	51202402		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
339	Phạm Ánh	Dương	10/Oct/05	51202404		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
340	Phạm Huyền	My	7/Aug/05	51202405		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
341	Phạm Lê Khương	Duy	16/Sep/05	51202406		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
342	Phạm Minh	Huân	12/Sep/05	51202407		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
343	Trần Đức	Thắng	2/Nov/05	51202441		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
344	Vũ Bảo	Ngọc	10/Sep/05	51202443		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
345	Vũ Lê Hoàng	Son	20/Jan/05	51202445		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
346	Vũ Trần Hà	Phương	7/Feb/05	51202446		5	TH Nguyễn Thượng Hiền	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
347	Đàm Trịnh Mai	Phương	18/Feb/07	51202055	3a1	3	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
348	Đặng Việt	Anh	8/Sep/07	51202057	3a1	3	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
349	Lê Quỳnh	Chi	4/Oct/07	51202060	3a1	3	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
350	Hoàng Phương	Anh	25/Jan/07	51202067	3a2	3	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
351	Lưu Thị Yến	Nhi	20/Nov/07	51202068	3a2	3	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
352	Nguyễn Thiện	Dũng	24/Nov/07	51202069	3a2	3	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
353	Bùi Nam	Hải	11/Jan/06	51202071	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
354	Lê Thị Ngọc	Minh	6/Jan/06	51202073	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
355	Nguyễn Trọng	Quân	3/Nov/06	51202076	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
356	Nguyễn Tuấn	Nam	3/Jan/06	51202077	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
357	Phạm Đỗ Gia	Khánh	25/Apr/06	51202079	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
358	Phạm Hà	Phương	24/Apr/06	51202080	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
359	Phạm Trung Tuấn	Minh	26/Sep/06	51202081	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
360	Trần Huy Hồng	Son	2/Jan/06	51202082	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 15	Ca 1 (7:30-9:30)
361	Trần Sơn	Bách	15/Jul/06	51202083	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
362	Vũ Thị Tùng	Lâm	21/Mar/06	51202085	4A1	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
363	Trần Vũ Hải	Nam	31/Aug/06	51202087	4A2	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
364	Trần Đức Tùng	Anh	16/Mar/06	51202088	4A4	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
365	Trần Văn Tùng	Dương	9/Apr/06	51202089	4A4	4	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
366	Đặng Việt	Tùng	28/Dec/05	51202090	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
367	Đoàn Diệu	Linh	2/Jun/05	51202092	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
368	Nguyễn Anh Xuân	Tùng	18/Nov/05	51202093	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
369	Nguyễn Đức	Huy	21/May/05	51202094	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
370	Nguyễn Đức Phi	Long	29/Jan/05	51202095	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
371	Nguyễn Phương Khánh	Linh	22/Jul/05	51202096	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hai Phong	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
372	Nguyễn Thành	Lâm	25/Feb/05	51202097	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
373	Trần Hương	Giang	11/Apr/05	51202100	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
374	Trần Khoa Thu	Phuong	22/Sep/05	51202101	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
375	Vũ Minh	Hoàng	20/Sep/05	51202102	5A1	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
376	Bùi Hương	Giang	22/Oct/05	51202104	5A3	5	TH Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
377	Đào Văn	Đạt	4/Aug/07	51202105	3A1	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
378	Trần Hà	My	1/Jan/07	51202117	3A2	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
379	Nguyễn Diệu	Linh	3/Jul/07	51202120	3A3	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
380	Nguyễn Thanh Hải	Đăng	13/Jan/07	51202121	3A3	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
381	Trần Thị Khánh	Linh	17/Sep/07	51202127	3A3	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
382	Hoàng Văn	Minh	9/Sep/07	51202129	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
383	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	19/Sep/07	51202130	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
384	Nguyễn Văn	Huy	17/Feb/07	51202131	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 1 (7:30-9:30)
385	Phạm Khánh	Duy	18/Dec/07	51202132	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
386	Phạm Khôi	Nguyên	12/Sep/07	51202133	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
387	Phan Bá	Lộc	15/Jul/07	51202134	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
388	Trần Minh	Hiếu	16/Jan/07	51202135	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
389	Vũ Tuyết	Nga	13/Nov/07	51202137	3A4	3	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
390	Bùi Vũ	Dũng	29/Aug/06	51202155	4A1	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
391	Hoàng Hải	An	22/Dec/06	51202157	4A1	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
392	Nghiêm Khánh	Linh	3/Oct/06	51202161	4A1	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
393	Nguyễn Đức Nhật	Minh	30/Sep/06	51202163	4A1	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
394	Nguyễn Trần Giang	Anh	10/Mar/06	51202165	4A1	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
395	Nguyễn Việt	Hà	5/Aug/06	51202166	4A1	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
396	Lê Thị Hương	Giang	8/May/06	51202173	4A2	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
397	Phạm Thái	Dương	3/Jul/06	51202175	4A2	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
398	Phạm Thu	Ngân	7/Oct/06	51202176	4A2	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
399	Vũ Phương	Linh	10/May/06	51202177	4A2	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
400	Nguyễn Mai	Phương	3/Feb/06	51202180	4A3	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
401	Phạm Thanh	Nhung	16/Aug/06	51202183	4A3	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
402	Phạm Trần Hạnh	Nguyên	12/Sep/06	51202184	4A3	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
403	Nguyễn hà	Vy	8/Nov/06	51202191	4A5	4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
404	Đặng Thị Mai	Phương	14/Mar/05	51202192	5A1	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
405	Ngô Mỹ	Linh	30/Jan/05	51202200	5A1	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
406	Vũ Thanh	Huyền	11/Nov/05	51202203	5A1	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
407	Đình Công	Vinh	9/May/05	51202204	5A2	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)
408	Vũ Khánh	Huyền	4/Mar/05	51202210	5A2	5	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
409	Bùi Duy	Bách	25/Jan/06	51206190		4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
410	Cao Mai	Anh	16/Nov/06	51206194		4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
411	Phạm Hà	Vy	14/Oct/06	51202167		4	TH Quang Trung	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
412	Dương Vũ Ngọc	Linh	22/Oct/07	51202567	3C2	3	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
413	Khúc Ngọc	Linh	3/Feb/07	51202568	3C2	3	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
414	Nguyễn Hoàng Xuân	Anh	8/Jan/07	51202569	3C2	3	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
415	Nguyễn Vũ Trang	Anh	17/Jul/07	51202571	3C2	3	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
416	Diệp Anh	Chi	23/Jun/06	51202575	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
417	Đoàn Diệp	Anh	26/Oct/06	51202576	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
418	Hoàng Hà Minh	Tú	19/Oct/06	51202578	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
419	Nguyễn Hải	Cường	16/Jul/06	51202580	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
420	Nguyễn Sơn	Tùng	9/Jan/06	51202583	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
421	Trần Đức	Hiếu	28/May/06	51202584	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
422	Trần Ngọc Kim	Bảo	4/Nov/06	51202585	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
423	Vũ Xuân Duy	Anh	25/May/06	51202586	4D1	4	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
424	Đặng Mỹ	Khanh	12/Dec/05	51202588	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
425	Đinh Thanh	Sơn	8/May/05	51202589	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
426	Dương Minh	Quân	22/Jul/05	51202590	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
427	Lê Quỳnh	An	14/Aug/05	51202611	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
428	Nguyễn Minh	Dương	7/Jan/05	51202612	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
429	Nguyễn Phương	Anh	17/Sep/05	51202613	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
430	Nguyễn Thị Huyền	Ly	24/Jul/05	51202614	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
431	Nguyễn Thu	Trang	28/Mar/05	51202615	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
432	Nguyễn Thùy	Chi	4/Jan/05	51202616	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 1 (7:30-9:30)
433	Nguyễn Trung	Dũng	13/Jul/05	51202617	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
434	Nguyễn Việt	Hùng	16/May/05	51202618	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
435	Nguyễn Xuân	Hiếu	23/Jul/05	51202619	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
436	Phạm Xuân Lan	Chi	29/Sep/05	51202620	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
437	Trịnh Vũ Hải	An	13/Oct/05	51202621	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
438	Vũ Khánh	Linh	27/Jan/05	51202622	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
439	Vũ Khánh	Linh	24/Nov/05	51202623	5H1	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
440	Nguyễn Yến	Nhi	31/May/05	51202624	5H2	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
441	Triệu Quốc	Hiếu	27/Aug/05	51202625	5H2	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
442	Vũ Trịnh Mai	Linh	23/Sep/05	51202626	5H2	5	TH Thai Phien	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
443	Đỗ Hoàng	Đạt	8/Jan/07	51202214	3A1	3	TH Trần Quốc Toàn	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
444	Lê Ngọc	Hà	26/Apr/07	51202218	3A1	3	TH Trần Quốc Toàn	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
445	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/Feb/07	51202219	3A1	3	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
446	Trần Minh	Ngọc	2/Aug/07	51202221	3A1	3	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
447	Trịnh Lê Nhật	Uyên	23/Apr/07	51202222	3A1	3	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
448	Dư Công	Vinh	2/Oct/07	51202225	3A2	3	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
449	Lê Phương	Anh	28/Dec/07	51202226	3A2	3	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
450	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	15/Jan/07	51202230	3A2	3	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
451	Bùi Ngọc	Khánh	11/Nov/06	51202243	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
452	Đỗ Hoàng	Ngân	18/Jan/06	51202244	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
453	Đoàn Văn	Quyết	16/Jun/06	51202245	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
454	Đồng Anh	Vũ	6/Oct/06	51202246	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
455	Dư Đình Quang	Khánh	14/Mar/06	51202247	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
456	Nguyễn Gia	Minh	6/Jul/06	51202248	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 1 (7:30-9:30)
457	Phạm Ngọc Hà	My	5/May/06	51202251	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
458	Vũ Nhật	Linh	18/Jul/06	51202257	4A1	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
459	Đoàn Nguyễn Thảo	Nguyên	16/Nov/06	51202261	4A3	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
460	Phạm Ngọc	Anh	6/Jun/06	51202271	4A4	4	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
461	Lê Thục	Anh	3/Apr/05	51202276	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
462	Lê Vũ Hải	Yến	8/Nov/05	51202277	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
463	Nguyễn Đức	Thắng	25/Dec/05	51202280	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
464	Nguyễn Đức	Toàn	17/Jun/05	51202281	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
465	Nguyễn Hoàng	Son	8/Jun/05	51202282	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
466	Nguyễn Minh	Trí	13/Mar/05	51202283	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
467	Nguyễn Ngọc	Linh	17/Oct/05	51202284	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
468	Nguyễn Phương	Anh	26/Jun/05	51202285	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
469	Phạm Anh	Minh	13/Mar/05	51202289	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
470	Tô Đức	Anh	29/Apr/05	51202290	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
471	Trần Quốc	Thái	19/Jun/05	51202291	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
472	Vũ Khắc	Hùng	14/Oct/05	51202292	5A1	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
473	Đỗ Minh	Đoàn	30/Sep/05	51202293	5A2	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
474	Lê Công Hoàng	Nguyên	26/May/05	51202294	5A2	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
475	Nguyễn Đức	Dương	24/Oct/05	51202295	5A2	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
476	Phạm Từ Thu	Thảo	14/Feb/05	51202299	5A2	5	TH Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
477	Lương Đình	Phúc	11/Jul/05	51204961	5A3	5	Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
478	Mạc Diễm	Quỳnh	20/Jun/05	51204962	5A4	5	Trần Quốc Toản	Ngô Quyền	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
479	Đỗ Xuân Hải	Nam	3/Mar/06	51200240	4A6	4	Bạch Đằng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)
480	Nguyễn Mạnh	Hùng	15/Nov/07	51200924	3A1	3	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 1 (7:30-9:30)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
481	Đào Thị Minh	Thư	21/Nov/05	51200995	5A2	5	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 21	Ca 1 (7:30-9:30)
482	Trần Ngọc	Linh	19/Jul/05	51201013	5A5	5	Hùng Vương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 21	Ca 1 (7:30-9:30)
483	Lương Thị Diệu	Anh	15/Jan/07	51202661	3A	3	T. H Chiến Thắng	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
484	Đàm Thảo	Nguyên	29/Sep/07	51202662	3B	3	T. H Chiến Thắng	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
485	Nguyễn Thị Trà	My	11/Feb/05	51202680	5A	5	TH An Thắng	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
486	Lê Ngọc	Linh	12/Sep/05	51202683	5A	5	TH An Thọ	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
487	Lê Thu	Trang	6/Feb/05	51202684	5A	5	TH An Thọ	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
488	Nguyễn Ngọc	Hà	16/Jul/05	51202685	5A	5	TH An Thọ	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
489	Nguyễn Thùy	Dương	24/Oct/05	51202686	5A	5	TH An Thọ	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
490	Trịnh Mai	Phương	14/Nov/05	51202687	5A	5	TH An Thọ	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
491	Nguyễn Trung	Kiên	26/Jan/07	51202688	3A	3	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
492	Nguyễn Lê Ngân	Hà	29/Jun/07	51202689	3B	3	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
493	Hoàng Thị Nhật	Anh	9/May/06	51202690	4A	4	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
494	Nguyễn Anh Thái	Dương	15/Aug/06	51202693	4A	4	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
495	Phạm Thị Yến	Vy	12/Nov/06	51202694	4A	4	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
496	Lê Thị Thùy	Dương	8/Jul/05	51202696	5A	5	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
497	Nguyễn Thanh	Loan	7/Jan/05	51202699	5A	5	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
498	Thiều Quang	Huy	4/Oct/05	51202701	5A	5	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
499	Vũ Huy	Phúc	16/Apr/05	51202702	5A	5	TH An Tiến	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
500	Nguyễn Thị	Thúy	25/Oct/06	51202707	4A	4	TH Áng Sơn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
501	Nguyễn Thuỳ	Anh	15/May/05	51202711	5A	5	TH Áng Sơn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
502	Nguyễn Hoàng	Long	4/Jul/07	51202714	3C	3	TH Bát Trang	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
503	Lê Phương	Linh	4/Jan/05	51202715	5B	5	TH Bát Trang	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
504	Phan Hoài	An	22/Jan/05	51202716	5B	5	TH Bát Trang	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
505	Đặng Tiến	Đạt	7/Jan/05	51202717	5A	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
506	Nguyễn Trường	An	6/Aug/05	51202718	5A	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 2 (10:00-12:00)
507	Trịnh Quốc	Khánh	29/Dec/05	51202719	5A	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
508	Nguyễn Thị Ngọc	Khuê	20/Apr/05	51202720	5B	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
509	Đàm Phương	Linh	20/Oct/05	51202721	5C	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
510	Đỗ Minh	Tiến	29/Apr/05	51202722	5C	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
511	Nguyễn Long	Khánh	1/Feb/05	51202723	5C	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
512	Phạm Minh	Thành	23/Jul/05	51202724	5C	5	TH Mỹ Đức 1	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
513	Phạm Thị Khánh	Linh	8/May/05	51202725	5A	5	TH Mỹ Đức II	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
514	Phạm Thị Ngọc	Hà	15/Dec/05	51202727	5B	5	TH Mỹ Đức II	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
515	Phùng Văn	Hiệp	9/Dec/05	51202728	5B	5	TH Mỹ Đức II	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
516	Hoàng Thị Thu	Thảo	15/May/05	51202730	5A	5	Th Quang Hưng	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
517	Nguyễn Thị Chung	Hiếu	14/Dec/05	51202731	5A	5	Th Quang Hưng	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
518	Phạm Thanh	Hằng	19/Nov/05	51202734	5A	5	Th Quang Hưng	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
519	Vũ Hạnh	Uyên	1/Sep/06	51202738	4D	4	TH Quốc Tuấn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
520	Nguyễn Mai	Hương	3/Oct/05	51202739	5A	5	TH Quốc Tuấn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
521	Nguyễn Quỳnh	Chi	21/May/05	51202740	5A	5	TH Quốc Tuấn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
522	Phạm Phương	Mai	18/Mar/05	51202744	5C	5	TH Quốc Tuấn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
523	Phạm Thị Thu	Hương	15/May/05	51202745	5C	5	TH Quốc Tuấn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
524	Hoàng Thị Mai	Phương	15/Dec/06	51202747	4A	4	TH Tân Dân	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
525	Park Huyền	Linh	2/Mar/06	51202748	4C	4	TH Tân Dân	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
526	Dương Thu	Hương	24/Jan/05	51202750	5A	5	TH Tân Dân	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
527	Lê Hoàng Tiến	Lâm	4/Nov/05	51202751	5A	5	TH Tân Dân	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
528	Bùi Thanh	Lâm	26/May/05	51202753	5B	5	TH Tân Dân	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
529	Nguyễn Quang	Vinh	23/Mar/05	51202756	5C	5	TH Tân Dân	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
530	Hoàng Thị Ngọc	Oanh	29/Jan/05	51202760	5B	5	TH Tân Viên	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 2 (10:00-12:00)
531	Nguyễn Văn	Thành	3/Sep/06	51204910	4A	4	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
532	Nguyễn Viết	Long	6/Dec/06	51204911	4A	4	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
533	Phú Quốc	Khánh	15/Oct/06	51204914	4A	4	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
534	Trần Phạm Hải	Bình	24/Dec/06	51204917	4B	4	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
535	Lương Hồng	Phượng	20/Jun/06	51204918	4C	4	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
536	Phạm Tiến	Độ	22/Oct/06	51204922	4C	4	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
537	Đào Bảo	Linh	23/Sep/05	51204925	5A	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
538	Phạm Nguyễn Hải	Lâm	17/Aug/05	51204929	5A	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
539	Nguyễn Việt	Trung	15/May/05	51204930	5B	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
540	Vũ Thùy	Dương	9/Dec/05	51204932	5B	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
541	Lê Vũ Trúc	Linh	29/Jan/05	51204933	5C	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
542	Nguyễn Thị Hải	Yến	11/Sep/05	51204934	5C	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
543	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	12/Jul/05	51204935	5C	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
544	Nguyễn Trọng	Hiếu	3/Nov/05	51204936	5C	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
545	Trần Tuấn	Son	11/Apr/05	51204938	5C	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
546	Vũ Tuấn	Anh	10/Oct/05	51204939	5C	5	TH Thị trấn An Lão	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
547	Đoàn Thị Trà	My	1/Jan/06	51202763		4	TH Trần Tất Văn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
548	Đồng Thị Bảo	Yến	4/Nov/05	51202764		5	TH Trần Tất Văn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
549	Phùng Thị Ngọc	Ánh	7/Feb/05	51204941	5B	5	TH Trần Tất Văn	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
550	Đỗ Khánh	Dương	1/Mar/06	51202780	4A	4	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
551	Đoàn Quách Hải	Nhạn	15/Mar/06	51202781	4A	4	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
552	Lê Đăng	Doanh	25/May/06	51202782	4A	4	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
553	Trần Thị Mai	Phuong	27/Dec/06	51202783	4A	4	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
554	Vũ Phương	Thu	8/Mar/06	51202784	4A	4	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 2 (10:00-12:00)
555	Nguyễn Lâm	Anh	19/Aug/06	51202787	4C	4	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
556	Đỗ Đăng	Vũ	3/Aug/05	51202791	5A	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
557	Hoàng Đức	Mạnh	9/Jun/05	51202792	5A	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
558	Lưu Ngọc	Ánh	13/Mar/05	51202793	5A	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
559	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	4/Jun/05	51202794	5A	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
560	Nguyễn Thị Thu	Trang	9/Sep/05	51202795	5A	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
561	Vũ Quỳnh	Nga	5/Jan/05	51202796	5A	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
562	Vũ Thị Hoài	Thương	12/Dec/05	51202797	5A	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
563	Lã Bích	Ngọc	26/Aug/05	51202798	5B	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
564	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/Apr/05	51202799	5B	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
565	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	25/Aug/05	51202801	5C	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
566	Nguyễn Thành	Duy	18/Jan/05	51202803	5C	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
567	Nguyễn Thị Thanh	Giang	26/Sep/05	51202804	5C	5	TH Truong Son	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
568	Phạm Huyền	Diệu	29/Oct/06	51204843	4B	4	TH Trường Thành	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
569	Nguyễn Bảo	Anh	24/Feb/05	51204839	5A	5	TH Trường Thành	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
570	Trần Xuân	Vũ	20/Apr/05	51202806	5C	5	TH Trường Thọ	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
571	Phạm Mai	Chi	10/Oct/05	51202810	5D	5	TH Trường Thọ	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
572	Hồ Thu Huệ	Huệ	22/Jan/06	51202813	4D	4	Tiểu học Nguyễn Đốc Tín	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
573	Nguyễn Thị Phương	Thảo	3/Jun/05	51202817	5B	5	Tiểu học Nguyễn Đốc Tín	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
574	Phạm Ngọc	Thuận	5/Feb/05	51202818	5B	5	Tiểu học Nguyễn Đốc Tín	An Lão	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
575	Lương Ngọc Yến	Vy	18/Jul/06	51202819	4A1	4	TH Chu Văn An	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
576	Bùi Hoàng	Phú	15/Feb/06	51202820	4A2	4	TH Chu Văn An	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
577	Hoàng Diệu	Linh	24/Mar/05	51202824	5A1	5	TH Chu Văn An	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
578	Nguyễn Hà	Vy	16/Nov/05	51202825	5A1	5	TH Chu Văn An	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 2 (10:00-12:00)
579	Nguyễn Hải	Hậu	28/Nov/05	51202826	5A2	5	TH Chu Văn An	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
580	Lê Đoàn Tường	Vy	2/Sep/06	51202829	4a4	4	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
581	Phạm Thái	Phong	30/Jul/06	51202830	4a4	4	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
582	Hoàng Anh	Ngọc	18/Feb/05	51202831	5a2	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
583	Nguyễn Công	Lượng	4/Dec/05	51202832	5a2	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
584	Nguyễn Mỹ Quỳnh	Anh	8/Nov/05	51202833	5a2	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
585	Nguyễn Thị	Phượng	18/Apr/05	51202834	5a2	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
586	Phạm Thị Minh	Tâm	4/Mar/05	51202835	5a2	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
587	Phạm Thu	Uyên	2/Jan/05	51202836	5a2	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
588	Nguyễn Minh	Hiệp	6/Dec/05	51202837	5a3	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
589	Đinh Thanh	Tùng	21/Apr/05	51202838	5a4	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
590	Hoàng Anh	Dũng	13/Jul/05	51202839	5a4	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
591	Lương Hoàng	Bảo	7/May/05	51202840	5a4	5	TH Nguyễn Văn Trỗi	Cát Hải	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
592	Phạm Phương	Anh	29/Apr/05	51202843	5A2	5	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
593	Trịnh Ngọc	Anh	29/Jul/06	51202846	4A1	4	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
594	Đoàn Công	Minh	6/Dec/06	51202854	4A3	4	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
595	Nguyễn Thị	Tú	2/Oct/05	51202856	5A1	5	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
596	Nguyễn Mai	Phương	17/Dec/05	51202863	5A2	5	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
597	Nguyễn Thanh	Tú	11/Jun/05	51202864	5A2	5	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
598	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	16/Apr/05	51202865	5A2	5	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
599	Phạm Thị	Chi	17/Mar/05	51202866	5A2	5	TH Bàng La	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
600	Nguyễn Hà	Phương	19/Dec/06	51202872	4A1	4	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
601	Phạm Văn Tiến	Đạt	27/Dec/06	51202873	4A1	4	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
602	Trịnh Thị Linh	Chi	21/Aug/06	51202874	4A1	4	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 2 (10:00-12:00)
603	Đoàn Thị Kiều	Diễm	16/Oct/06	51202877	4A3	4	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
604	Nguyễn Trang	Mỹ	29/Jun/06	51202878	4A3	4	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
605	Nguyễn Thị Việt	Kiều	19/Jan/06	51202879	4A4	4	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
606	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	11/May/05	51202880	5A1	5	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
607	Lưu Phạm Thị Hoàn	Hào	24/Mar/05	51202881	5A1	5	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
608	Nguyễn Trường Giang	Son	8/Aug/05	51202882	5A1	5	TH Hợp Đức	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
609	Lê Như	Quỳnh	6/Feb/07	51202884	3A1	3	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
610	Đinh Thị Kim	Huệ	26/Mar/06	51202887	4A2	4	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
611	Lưu Nguyễn Ngọc	An	15/Nov/06	51202888	4A2	4	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
612	Nguyễn Mai	Linh	3/Sep/06	51202889	4A2	4	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
613	Nguyễn Thị	Dịu	27/Jul/05	51202891	5A1	5	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
614	Hoàng Thị Minh	Anh	20/Jan/05	51202892	5A2	5	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
615	Lưu Thị Linh	Chi	28/Jun/05	51202893	5A2	5	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
616	Lưu Thị Phương	Anh	18/Jan/05	51202894	5A2	5	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
617	Trần Thanh	Phong	28/Jan/05	51202895	5A2	5	TH Ngọc Hải	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
618	Bùi Thị Mai	Anh	30/Jul/06	51202896	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
619	Hoàng Ngọc Anh	Thư	13/Dec/06	51202897	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
620	Hoàng Thị Khánh	Hân	29/Jun/06	51202898	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
621	Lê Trường	Minh	23/Jun/06	51202900	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
622	Lương Duy	Anh	8/Feb/06	51202901	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
623	Lưu Thanh	Yến	14/Dec/06	51202902	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
624	Nguyễn Hoàng	Tùng	26/Feb/06	51202903	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
625	Vũ Hoàng Tuyết	Ngân	23/Jun/06	51202906	4A1	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
626	Phạm Hiền	Mai	5/May/06	51202908	4A2	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 2 (10:00-12:00)
627	Đoàn Mạnh	Dũng	21/Jul/06	51202909	4A2	4	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
628	Bùi Hải	Ngọc	23/Nov/05	51202914	5A1	5	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
629	Bùi Hải	Dương	21/Sep/05	51202915	5A1	5	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
630	Đinh Thị Minh	Ngọc	30/Nov/05	51202916	5A1	5	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
631	Lưu Thị Thủy	Tiên	23/Dec/05	51202917	5A1	5	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
632	Nguyễn Ngọc	Trang	12/Aug/05	51202918	5A1	5	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
633	Trần Tuấn	Minh	1/Jul/05	51202919	5A1	5	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
634	Trương Anh	Thư	15/Jan/05	51202920	5A1	5	TH Ngọc Xuyên	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
635	Phạm Hữu	Thành	30/Apr/07	51202921	3A1	3	TH Vạn Hương	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
636	Đào Tất	Đạt	23/Jun/06	51202922	4A1	4	TH Vạn Hương	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
637	Đinh Thị Thu	Minh	27/Mar/06	51202924	4A2	4	TH Vạn Hương	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
638	Đinh Thị Thu	Minh	11/Jan/05	51202926	5A	5	TH Vạn Hương	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
639	Lê Đình Mai	Phương	23/Jan/05	51202928	5A	5	TH Vạn Hương	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
640	Lương Hữu Tùng	Lâm	14/Feb/05	51202930	5A	5	TH Vạn Hương	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
641	Trần Nguyễn Thái	Son	27/Jul/05	51202931	5A	5	TH Vạn Hương	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
642	Hoàng Xuân Nam	Khánh	31/Jan/06	51202932	4A1	4	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
643	Nguyễn Minh	Hiếu	26/Oct/06	51202933	4A1	4	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
644	Hoàng Đình	Hiếu	30/Jul/06	51202935	4A2	4	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
645	Lương Hữu Gia	Thuận	29/Nov/06	51202936	4A2	4	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
646	Nguyễn Thị Minh	Phượng	24/Apr/06	51202937	4A2	4	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
647	Bùi Thúy	Ngân	23/Jun/05	51202938	5A1	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
648	Lưu Thị Thảo	Nguyên	11/May/05	51202939	5A1	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
649	Nguyễn Tiến	Thành	18/Jun/05	51202940	5A1	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
650	Đoàn Duy Hồng	Khánh	28/Jul/05	51202943	5A2	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 2 (10:00-12:00)
651	Hoàng Thị Mai	Trang	10/Jul/05	51202944	5A2	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
652	Lê Nguyễn Hà	Vi	30/Jan/05	51202945	5A2	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
653	Trần Anh	Quân	11/Dec/05	51202946	5A2	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
654	Trần Đình	Tiến	11/Nov/05	51202947	5A2	5	TH Vạn Sơn	Đồ Sơn	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
655	Vũ Thị Phương	Linh	17/Nov/07	51200003	3A	3	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
656	Vũ Trần Nga	Vi	29/Jan/07	51200007	3B	3	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
657	Lương Thảo	Ninh	28/Jul/06	51200019	4A	4	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
658	Vũ Xuân	Mai	11/Jan/06	51200024	4B	4	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
659	Đỗ Hà	Mỹ	4/May/06	51200025	4C	4	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
660	Lê Đào Thanh	Thảo	20/Dec/06	51200026	4C	4	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
661	Trần Thanh	Bình	17/May/06	51200029	4C	4	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
662	Trần Thị Tú	Anh	9/Mar/05	51200031	5A	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
663	Trần Minh	Khánh	16/May/05	51200034	5B	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
664	Vũ Anh	Tuấn	18/Mar/05	51200035	5B	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
665	Đào Phương	Dung	25/Apr/05	51200037	5C	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
666	Mai Thành	Nam	10/Feb/05	51200039	5C	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
667	Ngô Trung	Kiên	9/Dec/05	51200040	5C	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
668	Vũ Đức	Thắng	8/Oct/05	51200042	5C	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
669	Nguyễn Thị Trà	My	7/Jun/05	51200043	5C	5	Anh Dũng	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
670	Bùi Thị Khánh	Chi	22/Dec/07	51200044	3A1	3	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
671	Bùi Thị Hiền	Lương	11/Apr/07	51200047	3A2	3	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
672	Hoàng Thị Phương	Anh	3/Mar/07	51200051	3A5	3	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
673	Bùi Thị Thanh	Thảo	28/Jul/06	51200059	4A4	4	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
674	Phạm Thị Thanh	Xuân	28/Jan/06	51200060	4A4	4	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 2 (10:00-12:00)
675	Trịnh Minh	Quân	20/Mar/06	51200062	4A4	4	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
676	Bùi Hà Phương	Anh	5/Jun/06	51200063	4A5	4	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
677	Đặng Ngọc	Ánh	8/Aug/06	51200064	4A5	4	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
678	Trần Việt	Phương	1/Jun/06	51200065	4A5	4	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
679	Lưu Thị Hương	Giang	12/Mar/05	51200070	5A1	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
680	Phạm Thành	Lộc	15/Jan/05	51200072	5A1	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
681	Trần Thị Thu	Trang	3/Aug/05	51200074	5A1	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
682	Trịnh Thị Mai	Hương	26/Apr/05	51200075	5A1	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
683	Đỗ Duy	Thịnh	17/Jan/05	51200077	5A2	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
684	Nguyễn Khánh	Thảo	2/Mar/05	51200079	5A3	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
685	Hoàng Thị	Phượng	28/Jun/05	51200083	5A4	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
686	Nguyễn Hải	An	27/Sep/05	51200085	5A4	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
687	Trần Khánh	Huyền	22/Nov/05	51200086	5A4	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
688	Hoàng Thanh	Hoa	15/Oct/05	51200088	5A5	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
689	Hoàng Thị Ngọc	Hòa	22/Jul/05	51200087	5A5	5	Đa Phúc	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
690	Lưu Quang	Anh	3/Jul/07	51200090	3A	3	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
691	Nguyễn Thị Hương	Giang	20/Apr/07	51200091	3A	3	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
692	Vũ Ngọc	Ánh	17/Oct/07	51200095	3B	3	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
693	Đoàn trung	Hiếu	22/Jun/06	51200100	4A	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
694	Nguyễn Gia	Phúc	3/Aug/06	51200101	4A	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
695	Nguyễn sĩ	Hiếu	6/Sep/06	51200102	4A	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
696	Trịnh Bảo	Ngọc	27/Feb/06	51200106	4A	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
697	Hoàng Bảo	Trâm	27/Mar/06	51200099	4B	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
698	Hoàng việt	Phuong	31/Jul/06	51200107	4B	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 2 (10:00-12:00)
699	Lưu Thảo	Vy	19/Jul/06	51200108	4B	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
700	Nguyễn thị Khánh	Ngọc	29/May/06	51200110	4B	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
701	Nguyễn thị thu	Trang	15/Jun/06	51200111	4B	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
702	Phạm Phương	Linh	13/Dec/06	51200112	4B	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
703	Hoàng Tổ	Trình	13/Oct/06	51200114	4D	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
704	Ngô Phương	Thảo	14/Feb/06	51200115	4D	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
705	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	22/Nov/06	51200116	4D	4	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
706	Đào Thị Khánh	Hòa	12/Sep/05	51200119	5A	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
707	Hồ Vũ Hoàng	Anh	7/Sep/05	51200120	5A	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
708	Lê Yến	Nhi	9/Oct/05	51200122	5A	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
709	Nguyễn Anh	Việt	23/Feb/05	51200123	5A	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
710	Nguyễn Tuấn	Hung	29/Mar/05	51200124	5A	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
711	Phạm Đăng	Đạt	19/Dec/05	51200125	5A	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
712	Nguyễn Ngọc	Thảo	2/May/05	51200126	5B	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
713	Nguyễn Thanh	Phong	31/Jul/05	51200127	5B	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
714	Đào Thị Mai	Linh	20/Sep/05	51200129	5C	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
715	Đỗ Thị	Huyền	25/Feb/05	51200130	5C	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
716	Vũ Văn	Mạnh	17/Sep/05	51200131	5C	5	Hải Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
717	Bùi Phùng Khánh	Linh	28/Sep/07	51200134	3D	3	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
718	Bùi Thu	Khánh	16/Jan/07	51200135	3D	3	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
719	Trần Thị Hà	Trang	8/Jan/07	51200136	3D	3	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
720	Trần Văn	Quyển	16/Feb/07	51200144	3D	3	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
721	Phạm Thị Thùy	Linh	15/Aug/06	51200159	4B	4	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
722	Trần Thị Diệu	Linh	17/Apr/06	51200160	4B	4	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 2 (10:00-12:00)
723	Trần Thái	Son	5/Apr/05	51200170	5A	5	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
724	Vũ Thị	Huế	24/Apr/05	51200173	5A	5	Hòa Nghĩa	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
725	PhạmĐào	An	17/Jun/06	51200180	4A	4	Hung Đạo	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
726	TạNguyễnPhú	Thái	11/Apr/06	51200182	4A	4	Hung Đạo	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
727	ĐàoHải	Son	25/Jan/05	51200183	5B	5	Hung Đạo	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
728	ĐàoHoàng	Anh	3/Sep/05	51200184	5B	5	Hung Đạo	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
729	PhạmHữuHoàng	Đức	24/Nov/05	51200189	5B	5	Hung Đạo	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
730	TrầnQuang	Huy	26/Sep/05	51200192	5B	5	Hung Đạo	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
731	Phạm Hồng	Quân	12/Jan/06	51200202	4A	4	Tiểu học Tân Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
732	Phạm Đình	Đức	10/Jan/05	51200211	5A	5	Tiểu học Tân Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
733	Vũ Chí	Phúc	20/Jul/05	51200212	5A	5	Tiểu học Tân Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
734	Vũ Tùng	Dương	19/May/05	51200214	5A	5	Tiểu học Tân Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
735	Phạm Đình	Tứ	26/Oct/05	51200218	5B	5	Tiểu học Tân Thành	Dương Kinh	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
736	Lương Đăng	Trọng	4/Apr/06	51203427	4A1	4	TH Nam Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
737	Nguyễn Phương	Uyên	23/Dec/06	51203428	4A1	4	TH Nam Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
738	Trần Nguyễn Tùng	Dương	22/Oct/05	51203430	5A1	5	TH Nam Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
739	Đặng Khánh	Linh	4/Apr/05	51203431	5A2	5	TH Nam Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
740	Nguyễn Thu	Thùy	7/Feb/05	51203432	5A2	5	TH Nam Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
741	Phùng Minh	Tú	23/Jan/05	51203433	5A2	5	TH Nam Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
742	Nguyễn Trúc	Anh	2/Apr/05	51203435	5A3	5	TH Nam Hải	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
743	Đào Nguyễn Hoàng	Lan	1/Jan/05	51203437	5A1	5	TH Tràng Cát	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
744	Nguyễn Hạnh	Chi	14/Apr/05	51203438	5A1	5	TH Tràng Cát	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
745	Trần Ngọc	Minh	17/Aug/05	51203441	5A1	5	TH Tràng Cát	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
746	Lương Nguyễn Bích	Thảo	16/Jul/07	51204837	3	3	Lê Hồng Phong	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 2 (10:00-12:00)
747	Nguyễn Duy	Quang	3/Mar/06	51204838	4	4	Lê Hồng Phong	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
748	Cao Thị Nhật	Hằng	4/Jun/06	51202415	4A	4	Kim Đồng	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
749	Hoàng Phương	Minh	20/Dec/07	51202426	3A	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
750	Lê Thị Thanh	Thư	14/Jun/07	51202427	3A	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
751	Ngô Đức	Anh	22/Sep/07	51202428	3A	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
752	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	3/Apr/07	51202429	3A	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
753	Phạm Hà	Phuong	1/Apr/07	51202430	3A	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
754	Bùi Hoàng	Thương	1/Jun/07	51202431	3B	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
755	Nguyễn Anh	Thư	31/May/07	51202432	3C	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
756	Lê Quang	Minh	5/Dec/07	51202433	3D	3	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
757	Đỗ Đức Tiến	Minh	25/Aug/06	51202434	4B	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
758	Nguyễn Long	Khánh	31/Aug/06	51202436	4D	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
759	Phạm Thị Khánh	Ngọc	1/Aug/06	51202438	4D	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
760	Phan Nguyễn Ngọc	Anh	29/Jul/06	51202447	4D	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
761	Trần Thị Mai	Linh	30/Aug/06	51202448	4D	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
762	Trịnh Ngọc	Thư	15/Mar/06	51202437	4D	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
763	Nguyễn Phương	Thảo	3/Jan/06	51202449	4E	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
764	Nguyễn Xuân	Thái	23/Nov/06	51202450	4E	4	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
765	Bùi Trung	Son	29/Oct/05	51202452	5C	5	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
766	Nguyễn Vũ Nhật	Lâm	4/Nov/05	51202454	5C	5	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
767	Vũ Hoàng Hồng	Anh	6/Feb/05	51202455	5C	5	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
768	Hoàng Hồng	Ngọc	15/Aug/05	51202456	5G	5	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
769	Nguyễn Hà	Phương	23/Mar/05	51202458	5G	5	Ngọc Sơn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
770	Bùi Thị Ngọc	Anh	4/Jan/06	51202460	4A1	4	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 2 (10:00-12:00)
771	Đào Thị Hương	Giang	7/May/06	51202461	4A1	4	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
772	Lê Thị Ngọc	Khánh	4/Sep/06	51202465	4A2	4	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
773	Nguyễn Minh	Hiếu	27/Sep/06	51202466	4A2	4	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
774	Phạm Trà	My	10/Jul/05	51202469	5A1	5	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
775	Phạm Xuân	Trường	10/Jul/05	51202470	5A1	5	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
776	Trần Thị Kiều	Ánh	3/Nov/05	51202472	5A1	5	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
777	Phạm Hải	Thành	19/Nov/07	51202475	3D	3	TH Đồng Hòa	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
778	Vũ Minh	Đức	4/Apr/06	51202476	4A	4	TH Lý Tự Trọng	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
779	Phan Hoàng Trung	Kiên	23/Mar/05	51202478	5A	5	TH Lý Tự Trọng	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
780	Đỗ Phạm Hải	Anh	21/Jul/05	51202484	5A2	5	TH Nguyễn Du	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
781	Nguyễn Thị Phương	Nhi	28/Jan/05	51202486	5A2	5	TH Nguyễn Du	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
782	Phạm Thái	Son	1/Jun/05	51202487	5A2	5	TH Nguyễn Du	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
783	Trần Thị Phương	Nhi	24/Oct/05	51202489	5A2	5	TH Nguyễn Du	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
784	Lê Đức	Cường	18/Jan/07	51202494	3A	3	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
785	Nguyễn Ngọc	Văn	31/Jan/07	51202496	3A	3	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
786	Nguyễn Vũ Thảo	Ngân	1/Aug/07	51202505	3B	3	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
787	Trần Hoàng	Mai	16/Mar/07	51202507	3B	3	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
788	Vũ Tạ Bảo	Đạt	5/May/07	51202508	3B	3	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
789	Bùi Vũ Hoàng	Anh	14/Sep/06	51202510	4A	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
790	Dương Đức	Anh	22/Oct/06	51202512	4A	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
791	Nguyễn Hải	An	11/Dec/06	51202513	4A	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
792	Nguyễn Quang	Dũng	12/Jun/06	51202514	4A	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
793	Nguyễn Tuấn	Phong	28/Feb/06	51202515	4A	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
794	Phạm Đức	Khôi	31/Jul/06	51202516	4A	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 2 (10:00-12:00)
795	Phạm Khánh	Linh	6/Sep/06	51202517	4A	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
796	Bùi Quang	Hiếu	27/Feb/06	51202519	4B	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
797	Bùi Thị Khánh	Linh	22/Feb/06	51202520	4B	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
798	Đỗ Đức	Phú	16/Sep/06	51202521	4B	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
799	Lê Quỳnh	Nhi	11/Aug/06	51202522	4B	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
800	Vũ Thu	Tâm	20/Jan/06	51202527	4B	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
801	Vũ Tùng	Dương	26/Jun/06	51202528	4B	4	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
802	Bùi Trung	Hiếu	20/Sep/05	51202530	5A	5	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
803	Đỗ Huy	Son	13/Apr/05	51202531	5A	5	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
804	Nguyễn Thu	Huyền	13/Jun/05	51202533	5A	5	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
805	Ninh Quỳnh	Anh	20/Jun/05	51202534	5A	5	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
806	Phạm Ngọc Quang	Minh	31/Oct/05	51202535	5A	5	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
807	Lê Vũ Linh	Chi	1/Aug/05	51202541	5B	5	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
808	Nguyễn Thùy	Dương	26/Oct/05	51202542	5B	5	TH Thực hành	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
809	Hoàng Tô Tuấn	Minh	4/Jan/07	51203454	3B	3	Đông Phương	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
810	Nguyễn Huy	Nghĩa	10/Nov/06	51203458	4A	4	Du Lễ	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
811	Phạm Thị Phương	Thảo	3/Feb/06	51203459	4A	4	Du Lễ	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
812	Nguyễn Thị	Hằng	22/May/05	51203461	5A	5	Du Lễ	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
813	Nguyễn Thu	Hường	8/May/05	51203462	5A	5	Du Lễ	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
814	Phạm Diệu	Linh	20/Jan/05	51203463	5A	5	Du Lễ	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
815	Cao Thu	Huyền	2/Feb/05	51203464	5B	5	Du Lễ	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
816	Cao Vân	Anh	4/Nov/05	51203465	5B	5	Du Lễ	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
817	Vũ Thu	Huyền	14/Jul/05	51203467	5B	5	Hữu Bằng	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
818	Nguyễn Sĩ	Quang	11/Jan/06	51203469	4	4	Kiến Quốc	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 2 (10:00-12:00)
819	Vũ Khánh	Ngọc	16/Sep/06	51203470	4	4	Kiến Quốc	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
820	Bùi Công	Tiến	15/Apr/05	51203471	5	5	Kiến Quốc	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
821	Đào Minh	Ngọc	2/Feb/05	51203475	5	5	Kiến Quốc	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
822	Hoàng Ngọc	Minh	13/Aug/06	51203480	4C	4	Minh Tân	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
823	Hoàng Minh	Khánh	15/Aug/05	51203484	5A	5	Minh Tân	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
824	Nguyễn Phú	Lộc	31/Jan/06	51203496	4A	4	TH Đại Hợp	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
825	Tạ Duy	Đạt	21/Aug/06	51203498	4C	4	TH Đại Hợp	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
826	Bùi Hải	Hà	28/Jun/05	51203499	5A	5	TH Đại Hợp	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
827	Hoàng Hải	Long	1/Nov/05	51203500	5A	5	TH Đại Hợp	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
828	Nguyễn Sinh	Thành	20/Nov/05	51203501	5A	5	TH Đại Hợp	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
829	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	5/Jan/05	51203502	5A	5	TH Đại Hợp	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
830	Hoàng Thị Yến	Nhi	13/Oct/05	51203507	5B	5	TH Đại Hợp	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
831	Vũ Mạnh	Hùng	3/Nov/07	51203508	3A	3	TH Đoàn Xá	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
832	Lê Gia	Bảo	8/Apr/06	51203511	4A	4	TH Đoàn Xá	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
833	Đỗ Minh	Quang	23/Mar/05	51203518	5B	5	TH Đoàn Xá	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
834	Nguyễn Dương	Tài	22/Aug/05	51203521	5B	5	TH Đoàn Xá	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
835	Nguyễn T. Hồng	Hạnh	5/Sep/05	51203522	5B	5	TH Đoàn Xá	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
836	Ngô Kiều Yến	Vy	10/Oct/07	51203549	3A	3	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
837	Bùi Nguyễn Trí	Việt	1/Jan/07	51203553	3B	3	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
838	Bùi Thành	Hung	24/Sep/06	51203562	4A	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
839	Cao Ngọc	Mai	23/Oct/06	51203563	4A	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
840	Đỗ Nguyễn Lâm	Tuệ	31/Aug/06	51203565	4A	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
841	Nguyễn Ngọc	Mai	1/Aug/06	51203567	4A	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
842	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/Jul/06	51203568	4A	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 2 (10:00-12:00)
843	Phạm Ngọc	Hà	1/Jun/06	51203569	4A	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
844	Phạm Thị Bảo	Thư	9/Feb/06	51203573	4B	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
845	Vũ Nguyễn Thu	Minh	10/Apr/06	51203576	4B	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
846	Đỗ Bảo	Ngọc	16/Sep/06	51203579	4C	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
847	Vũ Đoàn Thảo	Linh	8/Oct/06	51203580	4C	4	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
848	Bùi Trà	My	5/Nov/05	51203582	5A	5	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
849	Vũ Tuấn Hoàng	Anh	7/Jul/05	51203590	5B	5	TH Thị Trấn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
850	Bùi Ngọc	Ánh	19/Nov/07	51203599	3A4	3	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
851	Hoàng Thị Kim	Xuân	3/Oct/07	51203601	3A5	3	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
852	Bùi Thị Ngọc	Ánh	27/Mar/06	51203603	4A1	4	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
853	Đồng Thị Hương	Giang	29/Jun/06	51203604	4A1	4	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
854	Vũ Thị Trâm	Hương	23/Sep/06	51203609	4A1	4	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
855	Trương Tùng	Anh	18/Sep/06	51203612	4A4	4	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
856	Bùi Trọng Minh	Trung	9/Aug/05	51203615	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
857	Đỗ Thị Phương	Thảo	17/Nov/05	51203616	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
858	Lê Thị Phương	Thảo	23/Dec/05	51203617	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
859	Nguyễn Hải	Yến	5/Feb/05	51203618	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
860	Nguyễn Ngọc	Lâm	13/Aug/05	51203619	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
861	Nguyễn Thị Hải	Âu	28/Dec/05	51203620	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
862	Phạm Nguyên	Lâm	29/Jul/05	51203621	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
863	Phạm Văn	Đạt	26/Apr/05	51203622	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
864	Trần Thị Minh	Hằng	20/Jan/05	51203623	5A1	5	TH Tú Sơn	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
865	Phạm Thị Khánh	Hoà	25/Dec/05	51204676	5A	5	TH Bạch Đằng	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
866	Trần Thị	Mai	20/Feb/05	51204679	5A	5	TH Bạch Đằng	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 16	Ca 2 (10:00-12:00)
867	Lương Thùy	Linh	28/Jul/05	51204680	5A	5	TH Đại Thắng	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
868	Nguyễn Trọng	Dũng	23/Jun/05	51204681	5A	5	TH Đại Thắng	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
869	Hoàng Thị Thanh	Mai	16/Aug/05	51204682	5B	5	TH Đại Thắng	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
870	Lê Minh	Quân	27/Sep/05	51204683	5B	5	TH Đại Thắng	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
871	Đào Quốc	Hùng	27/Dec/04	51204688	5A	5	TH Đoàn Lập	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
872	Đào Thị Minh	Trang	17/Feb/05	51204689	5A	5	TH Đoàn Lập	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
873	Nguyễn Đức	Hường	2/Jun/05	51204690	5A	5	TH Đoàn Lập	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
874	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	19/Jan/05	51204691	5A	5	TH Đoàn Lập	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
875	Mai Thu	Hằng	30/Nov/06	51204694	4A	4	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
876	Ngô Thanh	Bình	14/Aug/06	51204695	4A	4	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
877	Nguyễn Đức	Tiến	2/Nov/06	51204696	4A	4	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
878	Bùi Công	Thành	18/Feb/05	51204710	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
879	Đỗ Minh	Hương	27/Feb/05	51204712	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
880	Đỗ Như Quang	Huy	20/Nov/05	51204713	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
881	Hoàng Hoài	Thu	14/Jan/05	51204714	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
882	Hoàng Việt	Hà	4/Jun/05	51204716	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
883	Mai Trung	Kiên	27/Jun/05	51204717	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
884	Nguyễn Duy	Anh	17/Aug/05	51204718	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
885	Nguyễn Quang	Duy	12/May/05	51204719	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
886	Nguyễn Vũ	Trí	19/Aug/05	51204722	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
887	Phạm Thị Minh	Huệ	1/Nov/05	51204723	5A	5	TH Minh Đức	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
888	Nguyễn Thanh	Trúc	15/Jun/07	51204726	3B	3	TH Quyết Tiến	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
889	Đỗ Hương	Giang	9/Aug/05	51204727	5A	5	TH Quyết Tiến	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
890	Mai Thị Phương	Chi	19/Sep/05	51204729	5A	5	TH Quyết Tiến	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 17	Ca 2 (10:00-12:00)
891	Trần Đình	Hướng	10/Apr/05	51204732	5A	5	TH Quyết Tiến	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
892	Đào Trần Quang	Huy	6/Jun/05	51204752	5E1	5	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
893	Đoàn Thị Bích	Loan	8/Feb/05	51204739	5E1	5	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
894	Mai Xuân	Tùng	15/Aug/05	51204740	5E1	5	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
895	Nguyễn Thị Thu	Hương	15/Mar/05	51204741	5E1	5	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
896	Nguyễn Thu	Hương	17/Feb/05	51204742	5E1	5	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
897	Nguyễn Việt	Anh	24/Jan/05	51204743	5E1	5	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
898	Vũ Hà	Phương	29/Jun/05	51204744	5E1	5	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
899	Lê Hải Thái	Hà	27/Feb/06	51204734	4D1	4	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
900	Nguyễn Minh	Hiếu	26/Nov/06	51204735	4D1	4	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
901	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	16/Apr/06	51204736	4D1	4	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
902	Lê Quang	Huy	1/Jan/06	51204737	4D2	4	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
903	Phạm Xuân Nhật	Minh	25/Sep/06	51204738	4D2	4	TH Thị Trấn	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
904	Nguyễn Quang	Thịnh	3/Feb/07	51204745	3A	3	TH Tiên Hưng	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
905	Bùi Hải	Yến	7/Jan/05	51204748	5B	5	TH Tự Cường	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
906	Nguyễn Quang	Vinh	1/Mar/05	51204750	5C	5	TH Tự Cường	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
907	Nguyễn Thị	Phương	11/Jan/05	51204751	5C	5	TH Tự Cường	Tiên Lãng	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
908	Nguyễn Đức	Phú	8/Nov/05	51204845	5A2	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
909	Đặng An	Trâm	28/Dec/05	51204846	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
910	Đinh Gia Phương	Thảo	15/Jan/05	51204847	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
911	Hoàng Bùi Khánh	Chi	12/May/05	51204849	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
912	Lê Trung	Hiếu	26/Apr/05	51204850	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
913	Phạm Ngọc	Linh	20/Dec/05	51204851	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
914	Phạm Quang	Huy	17/Jun/05	51204852	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 18	Ca 2 (10:00-12:00)
915	Phạm Tuấn	Anh	14/Jan/05	51204853	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
916	Vũ Thanh	Tâm	15/Oct/05	51204854	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
917	Vũ Tuấn	Kiệt	26/Sep/05	51204855	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
918	Vũ Tuấn	Minh	7/Dec/05	51204856	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
919	Vũ Việt	Anh	21/Apr/05	51204857	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
920	Vũ Việt	Trung	8/Aug/05	51204858	5A5	5	TH An Đồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
921	Nguyễn Phú	Thành	3/Feb/05	51204859	5D	5	TH An Dương	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
922	Nguyễn Quang	Minh	27/Jan/05	51204860	5D	5	TH An Dương	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
923	Trần Thanh	Xuân	9/Jan/05	51204866	5B	5	TH An Hồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
924	Bùi Thị Thùy	Dung	9/Feb/05	51204964	5C	5	TH An Hồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
925	Đỗ Hải Nam	Nam	19/Sep/05	51204965	5C	5	TH An Hồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
926	Đoàn Trọng	Phúc	9/Mar/05	51204966	5C	5	TH An Hồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
927	Nguyễn Thị Phương	Thùy	16/Feb/05	51204970	5D	5	TH An Hồng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
928	Hoàng Thị Minh	Ngọc	23/May/07	51204871	3A1	3	TH An Hưng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
929	Nguyễn Lê Đức	Tài	18/Oct/07	51204874	3A1	3	TH An Hưng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
930	Đào Hưng	Quang	24/May/07	51204875	3A2	3	TH An Hưng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
931	Vũ Thị Thùy	Linh	3/Jan/05	51204881	5D	5	TH Bắc Sơn	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
932	Hoàng Minh	Hiếu	15/Dec/05	51204883	5A	5	TH Đại Bản 1	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
933	Đào Việt	Anh	30/Oct/05	51204885	5A	5	TH Đại Bản 2	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
934	Đoàn YẾN	Nhi	4/Mar/05	51204886	5A	5	TH Đại Bản 2	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
935	Trần Phương	Hiền	2/Jul/05	51204887	5A	5	TH Đại Bản 2	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
936	Nguyễn Chính	Nghĩa	17/Feb/05	51204888	5C	5	TH Đặng Cương	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
937	Trương Mai	Phương	1/Jan/05	51204890		5	TH Đặng Cương	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
938	Nguyễn Thị Mai	Phương	30/May/05	51204894	5A	5	TH Hồng Phong	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 19	Ca 2 (10:00-12:00)
939	Nguyễn Thị Thiện	Bình	23/Oct/05	51204897		5	TH Hồng Thái	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
940	Phạm Minh	Anh	22/Dec/05	51204902	5B	5	TH Lê Lợi	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
941	Nguyễn Ngọc	Minh	1/Nov/05	51204903	5A	5	TH Nam Sơn	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
942	Phạm Thị Thanh	Hằng	27/May/05	51204904	5A	5	TH Nam Sơn	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
943	Lưu Đoàn Trọng	Hải	2/Oct/05	51204993	5A1	5	Tiểu học An Hưng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
944	Nguyễn Anh	Đức	20/Nov/05	51204995	5A1	5	Tiểu học An Hưng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
945	Phạm Thị Thu	Hương	5/Aug/05	51204997	5A1	5	Tiểu học An Hưng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
946	Vũ Xuân	Mai	4/Jul/05	51205000	5A1	5	Tiểu học An Hưng	An Dương	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
947	Nguyễn Thị Phương	Liên	24/Oct/05	51202422	5A1	5	Nam Hà	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
948	Phạm Thị Thúy	Huyền	11/Jun/05	51202424	5A2	5	Nam Hà	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
949	Phạm Đức	Hoàng	14/Apr/05	51202545	5A	5	Trần Quốc Toàn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
950	Vũ Hải	Uyên	27/Mar/05	51202547	5C	5	Trần Quốc Toàn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
951	Phạm Đình	Trường	18/Aug/05	51202548	5D	5	Trần Quốc Toàn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
952	Phạm Thị Tuyết	Nhung	4/Oct/05	51202549	5D	5	Trần Quốc Toàn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
953	Vũ Xuân	Mai	14/Feb/05	51202550	5D	5	Trần Quốc Toàn	Kiến An	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
954	Nguyễn Thành	Long	5/Mar/07	51203536	3A2	3	TH Tân Phong	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
955	Vũ Thị Ánh	Tuyết	4/Aug/06	51203540	4A2	4	TH Tân Phong	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
956	Đặng Quang	Tuấn	11/Sep/05	51203543	5A1	5	TH Tân Phong	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
957	Nguyễn Thành	Huy	15/Aug/05	51203547	5A2	5	TH Tân Phong	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
958	Phạm Thị Hồng	Nhật	13/Jul/05	51203486	5A	5	Tân Trào	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
959	Vũ Quốc	Khánh	9/Feb/05	51203487	5A	5	Tân Trào	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
960	Nguyễn Thị	Huyền	22/Nov/05	51203490	5B	5	Tân Trào	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
961	Nguyễn Thị Kim	Chi	6/Sep/05	51203491	5B	5	Tân Trào	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
962	Nguyễn Thị Ngân	Anh	22/Jul/05	51203492	5B	5	Tân Trào	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 20	Ca 2 (10:00-12:00)
963	Nguyễn Tấn	Dũng	29/Sep/05	51203493	5C	5	Tân Trào	Kiến Thụy	Hải Phòng	Phòng thi số 21	Ca 2 (10:00-12:00)
964	Lê Phương	Trà	3/Feb/05	51202950	5A1	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
965	Nguyễn Phạm Khánh	Huyền	29/Oct/05	51202952	5A1	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
966	Bùi Khánh	Linh	22/Aug/05	51202953	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
967	Bùi Thị Minh	Thư	10/Aug/05	51202954	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
968	Nguyễn Đức	Anh	12/Feb/05	51202956	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
969	Nguyễn Minh	Thu	2/Dec/05	51202957	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
970	Nguyễn Thế	Anh	20/Apr/05	51202958	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
971	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15/Nov/05	51202959	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
972	Nguyễn Việt	Anh	11/Sep/05	51202963	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
973	Phạm Đức	Trung	17/Mar/05	51202964	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
974	Võ Hoàng Minh	Hiền	23/Oct/05	51202965	5A2	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
975	Lê Đức	Minh	28/Jun/05	51202966	5A3	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
976	Lê Việt	Thịnh	27/Feb/05	51202967	5A3	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
977	Nguyễn Huy	Cường	21/Mar/05	51202969	5A3	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
978	Nguyễn Thế	Thiên	7/Mar/05	51202971	5A3	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
979	Vũ Tuyết	Nga	8/Aug/05	51202974	5A3	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
980	Đặng Hải	Bình	27/Nov/05	51202975	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
981	Đỗ Thanh	Bình	20/Jun/05	51202976	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
982	Giản Việt	Dũng	12/Aug/05	51202977	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
983	Nguyễn Phương	Anh	30/Jun/05	51202981	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
984	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/Sep/05	51202982	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
985	Nguyễn Thùy	Dung	14/Oct/05	51202983	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
986	Tang Phương	Linh	15/Nov/05	51202984	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
987	Trần Minh	Thùy	11/Jun/05	51202985	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 3 (13:45-15:45)
988	Trần Trung	Hiếu	2/Sep/05	51202987	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
989	Trịnh Ngọc	Trâm	15/Sep/05	51202988	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
990	Vũ Thị Khánh	Hòa	3/Oct/05	51202989	5A4	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
991	Bùi Đào Lâm	Phương	20/Jun/05	51202991	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
992	Bùi Yến	Nhi	21/Jan/05	51202992	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
993	Đinh Nhật	Minh	26/Mar/05	51202993	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
994	Đỗ Thanh	Mai	22/Nov/05	51202994	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
995	Đoàn Nam	Khải	27/Apr/05	51202995	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
996	Lê Khả	Huy	13/Mar/05	51202999	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
997	Nguyễn Cẩm	Nhung	29/Jan/05	51203001	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
998	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	1/Apr/05	51203002	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
999	Nguyễn Mai	Linh	8/Oct/05	51203003	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1000	Nguyễn Ngọc	Thạch	14/Oct/05	51203004	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1001	Nguyễn Thị Hải	Anh	5/Mar/05	51203006	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1002	Nguyễn Thị Linh	Chi	29/Jan/05	51203007	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1003	Nguyễn Việt	Dũng	13/Sep/05	51203008	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1004	Nguyễn Vũ Xuân	Phương	1/Aug/05	51203009	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1005	Nguyễn Yến	Ngân	14/May/05	51203010	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1006	Phạm Hương	Giang	10/Jun/05	51203011	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1007	Phạm Lê	Vy	28/Jul/05	51203012	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1008	Phạm Thanh	Huyền	18/Apr/05	51203014	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1009	Phạm Thị Minh	Ngọc	24/Jun/05	51203015	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1010	Phan Hải	Đăng	3/Jan/05	51203016	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1011	Trần Thùy	Trang	10/Feb/05	51203017	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 3 (13:45-15:45)
1012	Trịnh Vũ Ngọc	Quỳnh	10/Oct/05	51203018	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1013	Vũ Quang	Minh	8/Jul/05	51203019	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1014	Vũ Yến	Phi	9/Apr/05	51203020	5A5	5	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1015	Nguyễn Thành	Đạt	11/Apr/07	51203156	3A12	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1016	Đinh Thị Anh	Thư	24/Jan/07	51203161	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1017	Đỗ Thu	Minh	3/Oct/07	51203162	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1018	Đoàn Thị Thu	Hằng	7/Jul/07	51203165	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1019	Hoàng Gia	Long	22/Jul/07	51203166	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1020	Nguyễn Duy	Khánh	4/Apr/07	51203171	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1021	Nguyễn Phúc	Hải	15/Nov/07	51203172	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1022	Nguyễn Tiến	Thành	17/Dec/07	51203177	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1023	Nguyễn Trọng	Đại	8/Jun/07	51203178	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1024	Phạm Mai	Phương	3/Sep/07	51203182	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1025	Phạm Thanh	Bình	8/Jul/07	51203183	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1026	Phan Lê Thu	Thảo	5/Jun/07	51203184	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1027	Vũ Thúy	Ngân	26/Jan/07	51203190	3A2	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1028	Phạm Đức	Dương	22/Mar/07	51203194	3A5	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1029	Đặng Trung	Kiên	27/Nov/07	51203198	3A6	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1030	Phạm Cao Kỳ	Anh	31/Dec/07	51203204	3A7	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1031	Nguyễn Huyền	Chi	13/Jun/07	51203208	3A9	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1032	Phùng Quang	Dũng	3/Feb/07	51203209	3A9	3	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1033	Hoàng Thị Diệu	Linh	21/Oct/06	51204944	4A10	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1034	Nguyễn Hà	My	1/Dec/06	51204946	4A10	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1035	Nguyễn Xuân	Quyền	3/Jun/06	51204947	4A10	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 3 (13:45-15:45)
1036	Trần Minh	Quang	16/Jan/06	51204953	4A11	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1037	Hoàng Phạm Hương	Giang	27/Sep/06	51203214	4A4	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1038	Mai Minh	Nhật	2/Dec/06	51203218	4A4	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1039	Ngô Thúy	Quỳnh	13/Jun/06	51203220	4A4	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1040	Trần Hoàng	Hải	13/Aug/06	51203225	4A4	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1041	Trương Diệp	Anh	26/Nov/06	51203226	4A4	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1042	Vũ Hồng	Kỳ	20/Oct/06	51203228	4A4	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1043	Bùi Thái	Dương	8/Jan/06	51203230	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1044	Cao Gia	Đạt	6/Nov/06	51203231	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1045	Đỗ Phú	Trọng	11/Mar/06	51203232	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1046	Đỗ Phương	Linh	15/Aug/06	51203233	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1047	Nguyễn Bảo	An	3/Jan/06	51203238	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1048	Nguyễn Thành	Trung	3/May/06	51203240	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1049	Nguyễn Việt	Dũng	17/Oct/06	51203242	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1050	Ong Bảo	An	13/Oct/06	51203243	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1051	Phạm Quỳnh	Chi	28/Aug/06	51203244	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1052	Phạm Thanh	Bình	22/Aug/06	51203245	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1053	Vũ Hữu Tuấn	Hưng	6/Nov/06	51203246	4A5	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1054	Khoa Đào Ngọc	Bích	26/Dec/06	51203250	4A6	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1055	Nguyễn Thị Phương	Mai	24/Jun/06	51203253	4A6	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1056	Bùi Hữu Minh	Vũ	1/Dec/06	51203256	4A8	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1057	Cao Tiến	Thành	14/Oct/06	51203257	4A8	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1058	Đỗ Quý	Ngọc	1/Aug/06	51203258	4A8	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1059	Lê	Quang	21/May/06	51203259	4A8	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 3 (13:45-15:45)
1060	Nguyễn Bá	Tùng	3/Feb/06	51203260	4A8	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1061	Phạm Hải	Anh	5/Jan/06	51203261	4A8	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1062	Hoàng Tuệ	Vy	25/Dec/06	51203263	4A9	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1063	Nguyễn Thanh	Mai	23/Oct/06	51203264	4A9	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1064	Tô Nữ Minh	Châu	9/Mar/06	51203265	4A9	4	TH Cát Bi	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1065	Nguyễn Hoàng	Anh	6/Mar/07	51200316	3A2	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1066	Vũ Quỳnh	Anh	1/Aug/07	51200323	3A2	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1067	Nguyễn Hiền	Phương	10/Jun/07	51200333	3A3	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1068	Nguyễn Hoàng	Việt	9/Dec/07	51200334	3A3	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1069	Nguyễn Ngọc Phương	Mai	20/Oct/07	51200335	3A3	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1070	Phan Nguyễn Diễm	Quỳnh	2/Sep/07	51200338	3A3	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1071	Vũ Hà Phương	Minh	27/Mar/07	51200342	3A3	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1072	Đào Trung Quốc	Anh	14/May/07	51200345	3A4	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1073	Hạ Phúc	An	17/Dec/07	51200347	3A4	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1074	Nguyễn Minh	Phương	14/Jul/07	51206134	3A4	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1075	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	18/Aug/07	51200355	3A4	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1076	Vũ Thị Yến	Thy	16/Jul/07	51200378	3A4	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1077	Trần Đặng Nhân	Hòa	16/Feb/07	51200386	3A5	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1078	Trương Anh	Kiệt	1/Apr/07	51200387	3A5	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1079	Nguyễn Thị	Hằng	12/May/07	51200582	3A6	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1080	Đỗ Châu	Anh	26/Mar/07	51200594	3A7	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1081	Đỗ Trung	Kiên	20/Jun/07	51200595	3A7	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1082	Hoàng	Kiên	30/Mar/07	51200596	3A7	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1083	Lương Vĩnh	Phước	1/Dec/07	51200597	3A7	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 3 (13:45-15:45)
1084	Phạm Hà	Anh	15/Jan/07	51200603	3A7	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1085	Đinh Vũ Minh	Phương	25/May/07	51200610	3A8	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1086	Đỗ Phạm Hoàng	Anh	21/Jun/07	51206138	3A8	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1087	Nguyễn Thị Thái	Liên	7/Mar/07	51200613	3A8	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1088	Phan Hương	Ly	1/Jul/07	51200618	3A8	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1089	Bùi Quốc	Việt	27/Dec/06	51200633	4A1	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1090	Đặng Trần Minh	Anh	14/Nov/06	51200635	4A1	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1091	Nguyễn Kim Anh	Khoa	11/Jul/06	51200637	4A1	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1092	Đinh Tuấn	Minh	15/Sep/06	51200654	4A2	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1093	Hà Thị Phương	Thảo	5/Oct/06	51200656	4A2	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1094	Phạm Hoàng Đức	Duy	5/Nov/06	51200665	4A2	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1095	Võ Ngọc	Linh	5/Apr/06	51200719	4A2	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1096	Đặng Bùi Xuân	Lâm	26/Dec/06	51200673	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1097	Đặng Trúc	Quỳnh	15/Mar/06	51200674	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1098	Hạ Trí	Quang	3/Jul/06	51200678	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1099	Lại Bá Đức	Long	28/Jun/06	51200679	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1100	Lê Minh	Tuệ	2/Nov/06	51200681	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1101	Lê Thị Diệu	Linh	19/Aug/06	51200682	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1102	Ngô Thị Diệu	Linh	13/Jan/06	51200683	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1103	Nguyễn Trần Nam	Anh	24/Jul/06	51200691	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1104	Phạm Gia	Khiêm	14/Dec/06	51200692	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1105	Phạm Vũ Hoàng	Tùng	18/Feb/06	51200694	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1106	Trần Hải	An	17/Jul/06	51200696	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1107	Vũ Đức Hoàng	Minh	17/Jun/06	51200702	4A3	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 3 (13:45-15:45)
1108	Bùi Thị Thanh	Thảo	30/May/06	51200704	4A4	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1109	Ngô Vĩ	Kiệt	23/Jan/06	51200709	4A4	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1110	Nguyễn Châu	Giang	2/Nov/06	51200731	4A5	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1111	Nguyễn Minh	Hiếu	22/Jun/06	51200733	4A5	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1112	Nguyễn Nhật	Minh	29/Aug/06	51200734	4A5	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1113	Phạm Thu Đan	Lê	10/Mar/06	51200737	4A5	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1114	Trần Thùy	Linh	26/Oct/06	51200739	4A5	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1115	Đỗ Hoàng	Hải	20/Aug/06	51200745	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1116	Đỗ Phương	An	12/Mar/06	51200746	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1117	Giang Thị Huyền	Trang	24/Apr/06	51200748	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1118	Hoàng Nguyễn Hà	Ngân	15/May/06	51200750	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1119	Kiều Nguyệt	Hằng	19/Feb/06	51200751	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1120	Lê Ngọc	Long	28/Mar/06	51200752	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1121	Lương Nguyệt	Anh	8/Nov/06	51200754	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1122	Ngô Trần Hải	Đăng	20/Mar/06	51200755	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1123	Nguyễn Trọng	Hung	3/Oct/06	51200762	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1124	Nguyễn Thị Tuyết	Lâm	21/Jan/06	51200782	4A7	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1125	Nguyễn Tô Quỳnh	Trang	8/Sep/06	51200783	4A7	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1126	Trần Hoàng Bảo	Hân	29/Jun/06	51200784	4A7	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1127	Nguyễn Vũ Khánh	Hà	23/Apr/06	51200792	4A8	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1128	Đào Hồ Minh	Hiếu	5/May/05	51200813	5A2	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1129	Đỗ Hoàng	Cúc	18/Nov/05	51200814	5A2	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1130	Hà Thị Minh	Hằng	17/Aug/05	51200818	5A2	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1131	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	11/Jan/05	51200822	5A2	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 3 (13:45-15:45)
1132	Phạm Quang	Thịnh	5/Nov/05	51200823	5A2	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1133	Vũ Việt	Hùng	12/Sep/05	51200829	5A2	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1134	Nguyễn Trần	Long	1/Sep/05	51200835	5A3	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1135	Phan Ngọc	Linh	8/May/05	51200837	5A3	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1136	Đỗ Đức	Huy	11/Jul/05	51200842	5A4	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1137	Mai Diễm	Hương	16/Feb/05	51200849	5A4	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1138	Nguyễn Minh	Quang	7/Feb/05	51200854	5A4	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1139	Phạm Thanh	Huyền	9/Jul/05	51200857	5A4	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1140	Trần Ngọc	Đức	23/Jun/05	51200861	5A4	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1141	Nguyễn Quang	Anh	23/Feb/05	51200867	5A5	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1142	Trần Thành	Vinh	16/Jul/05	51200874	5A5	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1143	Trịnh Phương	Linh	8/Jun/05	51200875	5A5	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1144	Đồng Thị Huyền	Trang	28/Jan/05	51200876	5A6	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1145	Dương Yến	Phương	28/Mar/05	51200877	5A6	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1146	Lê Bùi Hương	Giang	6/Oct/05	51200878	5A6	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1147	Phạm Ngọc	Minh	8/Jul/05	51200880	5A6	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1148	Lê Phương	Huy	16/Aug/05	51200883	5A7	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1149	Lê Tường	Vi	11/Oct/05	51200884	5A7	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1150	Nguyễn Thùy	Linh	24/Oct/05	51200888	5A7	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1151	Phạm Hoàng	Tuấn	15/Jun/05	51200889	5A7	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1152	Phạm Mạnh	Hùng	16/Sep/05	51200890	5A7	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1153	Phan Ngọc	Minh	30/Aug/05	51200892	5A7	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1154	Ngô Thế	Khải	9/Apr/05	51200897	5A8	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1155	Phạm Gia	Khánh	22/Aug/05	51200904	5A8	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 3 (13:45-15:45)
1156	Phạm Huy	Bảo	21/May/05	51200906	5A8	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1157	Trần Lê Hạ	Đan	21/Jul/05	51200908	5A8	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1158	Bùi Đức	Dũng	8/Jan/07	51201018	3A1	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1159	Đỗ Hoàng	Anh	10/Oct/07	51201021	3A1	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1160	Lê Thị Ngọc	Minh	24/Jul/07	51201023	3A1	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1161	Trịnh Hoàng	Son	9/Apr/07	51201031	3A1	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1162	Dương Ngọc	Linh	20/Oct/07	51201036	3A2	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1163	Nguyễn Ngọc	Trâm	2/Mar/07	51201046	3A2	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1164	Bùi Phương	Anh	14/Oct/07	51201053	3A3	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1165	Hoàng Tuấn	Khanh	17/Jun/07	51201055	3A3	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1166	Lê Thu	Huyền	6/Mar/07	51201056	3A3	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1167	Phùng Minh	Thư	16/Feb/07	51201061	3A3	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1168	Nguyễn Hải	Đặng	29/Jul/07	51201062	3A4	3	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1169	Bùi Hoàng	Phương	19/Sep/06	51201083	4A1	4	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1170	Nguyễn Thu	Vân	26/Aug/06	51201093	4A1	4	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1171	Ngô Quốc	Thái	25/Sep/06	51201096	4A2	4	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1172	Trần Khánh	Ngân	24/Dec/06	51201112	4A3	4	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1173	Duy Thị Tuyết	Trình	11/Nov/05	51201122	5A1	5	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1174	Lê Hoàng Hà	Anh	8/Jan/05	51201123	5A1	5	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1175	Trần Nguyễn Hà	Nhi	10/Apr/05	51201128	5A1	5	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1176	Trần Vũ Gia	Linh	10/Sep/05	51201130	5A1	5	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1177	Phạm Hoài	Thương	5/Jan/05	51201145	5A4	5	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1178	Phạm Minh	Hiếu	19/Jul/06	51201115		4	Ngô Gia Tự	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1179	Nguyễn Minh	Anh	13/Mar/07	51201153	3A2	3	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 3 (13:45-15:45)
1180	Bùi Đức	Anh	21/Nov/07	51201156	3A4	3	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1181	Tạ Thùy	Linh	22/Jul/07	51201158	3A4	3	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1182	Nguyễn Ngọc	Khánh	11/Apr/06	51201166	4A3	4	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1183	Quách Phương	Linh	15/Nov/06	51201172	4A3	4	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1184	Đỗ Minh	Phước	11/Jun/06	51201175	4A4	4	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1185	Đỗ Phan	Hung	19/Mar/06	51201176	4A4	4	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1186	Đoàn Vũ Minh	Tâm	10/Dec/06	51201177	4A4	4	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1187	Nguyễn Khôi	Nguyên	11/Dec/06	51201182	4A4	4	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1188	Nguyễn Việt	Long	22/May/06	51201187	4A4	4	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1189	Đặng Nguyễn Thái	Học	22/Jun/05	51201194	5A1	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1190	Ngô Mạnh	Đức	18/Jun/05	51201198	5A1	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1191	Nguyễn Duy	Khanh	25/Feb/05	51201199	5A1	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1192	Nguyễn Minh	Trí	15/Aug/05	51201203	5A1	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1193	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	7/Apr/05	51201204	5A1	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1194	NguyễnThị Ngọc	Linh	23/May/05	51201208	5A1	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1195	Tô Hồng	Nhung	5/Dec/05	51201215	5A3	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1196	Trần Vân	Ngọc	28/Nov/05	51201216	5A3	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1197	Nguyễn Hoàng Tuệ	Minh	11/Jun/07	51201221	3A1	3	Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1198	Bùi Tùng	Dương	1/Jul/05	51201288	5A2	5	Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1199	Đặng Bảo	Long	6/Feb/05	51201289	5A2	5	Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1200	Lưu Tiến	Đạt	15/Oct/05	51201292	5A2	5	Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1201	Nguyễn Hoàng	Linh	22/Jul/05	51201294	5A2	5	Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1202	Phạm Phương	Linh	14/Dec/05	51201297	5A2	5	Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1203	Trịnh Quốc	Việt	26/Jul/05	51201298	5A2	5	Nguyễn Trãi	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 3 (13:45-15:45)
1204	Nguyễn Khắc	Duy		51201319	3A2	3	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1205	Trần Mai	An		51201325	3A3	3	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1206	Bùi Minh	Hạnh	10/Mar/06	51201363	4A1	4	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1207	Phạm Thị Kim	Chi	26/Jun/06	51201373	4A1	4	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1208	Nguyễn Tuấn	Minh	6/Sep/06	51201406	4A4	4	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1209	Trần Hoàng	Hải	25/Jul/06	51201410	4A4	4	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1210	Nguyễn Minh	Thư	3/Feb/05	51201421	5A1	5	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1211	Phạm Hoàng	Son	27/Jul/05	51201422	5A1	5	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1212	Phạm Ngọc Linh	Chi	10/Jul/05	51201423	5A1	5	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1213	Phạm Thái	Tâm	1/Sep/05	51201424	5A1	5	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1214	Trần Phương	Thảo	26/May/05	51201427	5A1	5	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1215	Đỗ Phạm Gia	Hoàng	12/Dec/05	51201417	5A2	5	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1216	Bùi Khánh	Ngọc	20/Dec/07	51201431	3A8	3	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1217	Nguyễn Tự Anh	Tuấn	29/Oct/07	51201432	3A8	3	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1218	Phạm Bảo	Anh	11/Jun/07	51201433	3A8	3	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1219	Hoàng Việt	Anh	5/Sep/06	51201434	4A1	4	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1220	Nguyễn Công	Được	31/Jan/06	51201435	4A1	4	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1221	Nguyễn Mai	Hương	19/Oct/06	51201436	4A1	4	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1222	Đặng Nhật	Minh	13/Nov/06	51201437	4A2	4	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1223	Trần Châu	Anh	7/May/06	51201438	4A2	4	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1224	Hà Vũ Khánh	Minh	28/Dec/05	51201439	5A2	5	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1225	Nguyễn Đức Nam	Khánh	21/Sep/05	51201440	5A2	5	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1226	Vũ Thị Mai	Hương	24/Dec/05	51201441	5A2	5	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1227	Lê Thị Hồng	Ngọc	15/Aug/05	51201442	5A4	5	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 3 (13:45-15:45)
1228	Nguyễn Trần Phương	Anh	17/May/05	51201443	5A4	5	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1229	Trần Việt	Anh	3/Jul/05	51201444	5A4	5	Quán Toan	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1230	Nguyễn Mai	Hiền	9/May/06	51201367	4A1	4	TH Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1231	Đỗ Gia	Minh	7/Nov/05	51201415	5A1	5	TH Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1232	Trần Đức	Dũng	17/Mar/05	51201426	5A1	5	TH Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1233	Nguyễn Thành	Trung	28/Aug/05	51201477	5E1	5	Trần Văn Ôn	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1234	Vũ Đức Tiến	Trung	20/Jun/05	51201478	5E1	5	Trần Văn Ôn	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1235	Vũ Minh	Phúc	2/Dec/05	51201479	5E1	5	Trần Văn Ôn	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1236	Vũ Trọng	Hải	28/Dec/07	51201455	3C1	3	Trần Văn Ôn	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1237	Nguyễn Năng	Hưng	18/Feb/06	51201462	4D1	4	Trần Văn Ôn	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1238	Phạm Phương	Linh	6/Sep/06	51201467	4D1	4	Trần Văn Ôn	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1239	Đào Minh	Giang	17/Feb/07	51204599	3A1	3	TH Hoa Động	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1240	Đồng Xuân	Hân	25/Feb/07	51204601	3A1	3	TH Hoa Động	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1241	Đồng Xuân	Duy	11/Jun/06	51204604	4A1	4	TH Hoa Động	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1242	Nguyễn Hải	Dương	27/Jul/06	51204617	4B4	4	TH Kỳ Sơn	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1243	Tạ Thị Mai	An	13/Aug/05	51204621	5G	5	TH Minh Đức	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1244	Vũ Nhật	Minh	6/Dec/05	51204622	5G	5	TH Minh Đức	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1245	Hoàng Nam	Khánh	28/Aug/07	51204624	3A4	3	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1246	Nguyễn Thị Hiền	Anh	26/Oct/07	51204628	3A5	3	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1247	Bùi Minh	Vũ	13/Aug/06	51204629	4A1	4	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1248	Nguyễn Gia	Khánh	2/Oct/06	51204630	4A1	4	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1249	Nguyễn Trần Thành	Minh	25/Feb/06	51206154	4A1	4	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1250	Nguyễn Công	Minh	12/Apr/06	51204632	4A5	4	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1251	Đặng Văn	Anh	7/Aug/05	51204633	5A1	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 12	Ca 3 (13:45-15:45)
1252	Hoàng Diệu	Linh	24/Sep/05	51204634	5A1	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1253	Hoàng Thị Hà	Anh	22/Jun/05	51204635	5A1	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1254	Phạm Cảnh	Hưng	24/Dec/05	51204636	5A1	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1255	Phạm Mai	Hoa	13/Dec/05	51206151	5A1	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1256	Phạm Thảo	Nguyễn	18/Sep/05	51204639	5A3	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1257	Đào Đức	Trọng	27/Jul/05	51204641	5A4	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1258	Nguyễn Lê Hoàng	Nguyễn	13/Oct/05	51204643	5A4	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1259	Nguyễn Ngọc	Khánh	19/Mar/05	51204644	5A4	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1260	Trần Phương	Ngân	9/May/05	51204645	5A4	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1261	Trần Thị Huyền	Ly	17/Oct/05	51206148	5A4	5	TH Núi Đèo	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1262	Trần Thị Quỳnh	Chi	26/Nov/07	51204654	3A2	3	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1263	Vũ Bảo	Châu	3/Jul/07	51204655	3A2	3	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1264	Nguyễn Sương	Dũng	25/Nov/06	51204658	4A2	4	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1265	Nguyễn Thị Khánh	Vân	3/Nov/06	51204659	4A2	4	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1266	Nguyễn Trung	Kiên	18/Aug/06	51204660	4A2	4	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1267	Hoàng Thị Thùy	Dương	23/Oct/06	51204661	4A3	4	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1268	Nguyễn Nam	Khánh	8/Jan/06	51204662	4A3	4	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1269	Trần Hà	Trang	26/Jul/06	51204663	4A3	4	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1270	Lê Thị Mai	Anh	8/Mar/05	51204665	5A1	5	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1271	Nguyễn Hoàng Uyên	Thư	14/Dec/05	51204666	5A1	5	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1272	Nguyễn Khánh	Ngân	23/Jul/05	51204667	5A1	5	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1273	Nguyễn Thùy	Linh	2/Jan/06	51204664	5A1	5	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1274	Nông Thành	An	6/Oct/05	51204668	5A1	5	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1275	Vũ Thị Hồng	Ngọc	2/Feb/05	51204669	5A1	5	TH Thủy Đường	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 13	Ca 3 (13:45-15:45)
1276	Trịnh Kỳ	Anh	7/Jan/07	51206147	3A2	3	Thủy Sơn	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1277	Bùi Mai	Phương	24/Jan/06	51206152	4A2	4	Thủy Sơn	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1278	Đỗ Hữu	Phong	7/Jun/06	51204758	4b	4	TH Nhân Hòa	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1279	Nguyễn Diệu Quỳnh	Anh	24/Feb/06	51204759	4b	4	TH Nhân Hòa	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1280	Vũ Lê Minh	Châu	21/Aug/06	51204764	4b	4	TH Nhân Hòa	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1281	Phạm Trung	Đức	2/Nov/05	51204767	5b	5	TH Nhân Hòa	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1282	Trần Đức	Cảnh	18/Feb/05	51204768	5b	5	TH Nhân Hòa	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1283	Phạm Anh	Việt	6/Oct/07	51204781	3A	3	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1284	Phạm Đức	Thịnh	14/Oct/07	51204782	3A	3	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1285	Phạm Mai	Phương	20/May/06	51204797	4A	4	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1286	Phạm Nguyệt	Minh	19/Jan/06	51204798	4A	4	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1287	Phạm Trần Minh	Ánh	24/May/06	51204800	4A	4	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1288	Đoàn Hải	Bình	16/Feb/06	51204803	4B	4	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1289	Phạm Việt	Thái	15/Feb/06	51204805	4B	4	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1290	Đào Như	Ngọc	31/Jul/05	51204808	5A	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1291	Đào Phú Hồng	Đăng	30/Jul/05	51204809	5A	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1292	Nguyễn Ngọc	Minh	4/Jul/05	51204810	5A	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1293	Phạm Đức	Minh	2/Jul/05	51204811	5A	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1294	Phạm Hải	Yến	10/Dec/05	51204812	5A	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1295	Trần Hải	Minh	14/Apr/05	51204813	5A	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1296	Đoàn Thị Minh	Châu	30/May/05	51204814	5B	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1297	Hoàng Anh	Thư	30/Dec/05	51204815	5B	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1298	Vũ Thùy	Linh	26/Aug/05	51204818	5B	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1299	Nguyễn Ngọc	Linh	30/Aug/05	51204920	5C	5	TH Thị Trấn	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 14	Ca 3 (13:45-15:45)
1300	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/Apr/05	51204835	5	5	TH Vĩnh Tiến	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1301	Nguyễn Thanh	Tùng	3/Feb/06	51204828	4A	4	TH Vĩnh Tiến	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1302	Phạm Quang	Hung	1/Jun/05	51206162	5A	5	TT Vĩnh Bảo	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1303	Nguyễn Trần	Lực	2/Feb/05	51206165	5B	5	TT Vĩnh Bảo	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1304	Nguyễn Hoàng Diệu	Châu	14/Aug/06	51206168		4	TT Vĩnh Bảo	Vĩnh Bảo	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1305	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/Mar/06	51204638	4A5	4	An Lư	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1306	Bùi Nguyễn Tú	Anh	7/Mar/05	51204592	5A1	5	TH An Lư	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1307	Nguyễn Chính	Đạt	20/Dec/05	51204594	5A4	5	TH An Lư	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1308	Lê Thị Kim	Chi	10/Jul/05	51204595	5A1	5	TH An Sơn	Thủy Nguyên	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1309	Nguyễn Lê Bảo	Thy	7/Nov/07	51200317	3A2	3	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1310	Dương Đăng	Giao	29/May/06	51200747	4A6	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1311	Nguyễn Ngọc Khánh	An	19/Jan/06	51200791	4A8	4	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1312	Vũ Huy	Khang	11/Apr/05	51200893	5A7	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1313	Lê Đức	Anh	7/May/05	51200865	5A5	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1314	Nguyễn Quang	Vinh	14/Feb/05	51200868	5A5	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1315	Nguyễn Vũ Minh	Ngọc	2/Aug/05	51200903	5A8	5	Đinh Tiên Hoàng	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1316	Lê Thảo	Linh	3/Apr/05	51201214	5A3	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1317	Nguyễn Hoàng Thanh	Hà	22/Nov/05	51201200	5A1	5	Nguyễn Huệ	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1318	Nguyễn Tường	Vy	4/Jan/07	51201357	3A6	3	Nguyễn Tri Phương	Hồng Bàng	Hải Phòng	Phòng thi số 15	Ca 3 (13:45-15:45)
1319	Bùi Đức	Minh	13/Nov/07	51203297	3A3	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1320	Trần Thảo	Uyên	12/Nov/07	51203300	3A3	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1321	Phạm Nguyễn Vinh	Bảo	17/May/07	51203301	3A4	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1322	Đầu Vũ Thụy	Hải	30/Dec/07	51203303	3a5	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1323	Lê Anh	Kiệt	16/Oct/07	51203308	3a6	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1324	Nguyễn Vũ Hà	Anh	14/Dec/07	51203309	3a6	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1325	Phạm Phương	Uyên	25/Sep/07	51203310	3a6	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1326	Phan Đỗ Yến	Nhi	6/Aug/07	51203311	3a6	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1327	Trương Vũ Đức	Anh	29/Oct/07	51203312	3a6	3	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1328	Nguyễn Thị Mai	Hoa	20/May/06	51203317	4a1	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1329	Nguyễn Vũ Minh	Khuê	2/Dec/06	51203318	4a1	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1330	Lê Hà	Phương	5/Apr/06	51203320	4a2	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1331	Nguyễn Trường	Son	25/Feb/06	51203326	4A3	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1332	Bùi Hải	Anh	6/Aug/06	51203329	4A4	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1333	Vũ Hữu	Phan	25/Feb/06	51203333	4A4	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1334	Vũ Quốc Hải	Long	26/Aug/06	51203334	4A4	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1335	Đặng Hoàng	Dũng	6/Jun/06	51203336	4A6	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1336	Lương Tuyết	Quỳnh	20/Oct/06	51203338	4A6	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1337	Nguyễn Bảo	Ngọc	23/Mar/06	51203339	4A6	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1338	Nguyễn Gia	Hân	2/Feb/06	51203340	4A6	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1339	Nguyễn Tuấn	Đạt	14/Aug/06	51203343	4A6	4	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1340	Đặng Hà	Anh	2/Jan/05	51203347	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1341	Đặng Ngọc	Huy	1/Dec/05	51203348	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1342	Hồ Bùi Quỳnh	Anh	7/Oct/05	51203350	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 1	Ca 4 (16:15-18:15)
1343	Lê Hồng	Anh	24/Aug/05	51203352	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1344	Lê Trần Ngọc	Hân	14/Jul/05	51203353	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1345	Nguyễn Minh	Hải	16/Oct/05	51203356	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1346	Nguyễn Đức Anh	Hiếu	29/Sep/05	51203357	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1347	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/Feb/05	51203355	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1348	Nguyễn Xuân	Chinh	2/May/05	51203362	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1349	Vũ Bích	Ngọc	12/Jul/05	51203365	5A1	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1350	Bùi Thị Minh	Phương	3/Jan/05	51203367	5A2	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1351	Phan Nguyệt	Minh	2/Feb/05	51203372	5A2	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1352	Hoàng Quốc	Hưng	17/Aug/04	51203375	5A3	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1353	Phạm Minh	Hiếu	12/Jun/05	51203376	5A3	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1354	Phùng Đoàn Kim	Ngân	12/Jul/05	51203377	5A3	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1355	Trần Thị Ngân	Trinh	19/Apr/05	51203378	5A3	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1356	Dương Nhân	Hậu	17/Mar/05	51203379	5A4	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1357	Vũ Ngọc	Giang	27/Nov/05	51203380	5A4	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1358	Đoàn Xuân	Thắng	6/Jan/05	51203382	5A5	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1359	Hoàng Nhật	Linh	30/Aug/05	51203383	5A5	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1360	Hoàng Thị Yến	Nhi	27/Feb/05	51203384	5A5	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1361	Lâm Hoài	Ly	12/Oct/05	51203385	5A5	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1362	Phạm Xuân	Mai	15/Feb/05	51203389	5A5	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1363	Phạm Ngọc Nam	Khánh	1/Nov/05	51203390	5A6	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1364	Vũ Phương	Thùy	11/Oct/05	51203391	5A6	5	TH Đăng Lâm	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1365	Bùi Thị Xuân	Mai	19/Jan/06	51203392	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1366	Đàm Phương	Thảo	8/Dec/06	51203393	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 2	Ca 4 (16:15-18:15)
1367	Đặng Thảo	Vy	12/Sep/06	51203415	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1368	Đào Phương	Thảo	30/Dec/06	51203394	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1369	Đỗ Châu	Giang	4/Nov/06	51203395	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1370	Đỗ Danh Việt	Hoàng	8/Jun/06	51203396	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1371	Doãn Hoàng Anh	Thư	23/Sep/06	51203398	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1372	Đoàn Thị Xuân	Mai	24/Jan/06	51203399	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1373	Dương Ngọc Huyền	Anh	24/Jul/06	51203400	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1374	Hoàng Khánh	Thu	1/Jul/06	51203401	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1375	Hoàng Trọng	Kiên	9/Jan/06	51203402	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1376	Nguyễn Mai	Phương	7/Dec/06	51203407	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1377	Nguyễn Phương	Linh	26/Sep/06	51203409	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1378	Nguyễn Tùng	Dương	19/Jun/06	51203412	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1379	Phạm Tấn	Sang	22/Nov/06	51203414	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1380	Trịnh Thùy	Linh	9/Jan/06	51203418	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1381	Vũ Việt	Hoàng	10/Jan/06	51203419	4A1	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1382	Trình Hoàng	Minh	4/Aug/06	51203421	4A5	4	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1383	Bùi Đoàn Khánh	Linh	11/Apr/05	51203035	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1384	Bùi Hoàng	Thành	23/Mar/05	51203036	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1385	Bùi Ngọc	Linh	17/Nov/05	51203037	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1386	Nguyễn Hoàng Trang	Linh	2/May/05	51203042	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1387	Nguyễn Khắc	Bảo	12/Dec/05	51203043	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1388	Nguyễn Khánh	Huyền	23/Jun/05	51203044	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1389	Nguyễn Kỳ	Duyên	3/Jul/05	51203045	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1390	Nguyễn Phương	Linh	22/Dec/05	51203046	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 3	Ca 4 (16:15-18:15)
1391	Nguyễn Quang	Huy	28/Jun/05	51203047	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1392	Nguyễn Tấn	Phong	1/Nov/05	51203048	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1393	Nguyễn Thành	Trung	23/Mar/05	51203049	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1394	Nguyễn Tiến	Huy	12/Mar/05	51203051	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1395	Nguyễn Trịnh Diệu	Linh	5/Oct/05	51203052	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1396	Phạm Anh	Thư	13/May/05	51203053	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1397	Phan Lê	Chiến	11/Feb/05	51203054	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1398	Trần Hoài	Thanh	23/Nov/05	51203055	5A1	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1399	Hoàng Hải	Trọng	26/Feb/05	51203056	5A2	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1400	Nguyễn Bảo	Long	14/Sep/05	51203057	5A2	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1401	Đặng Ngọc	Huyền	24/Feb/05	51203058	5A3	5	TH Đông Hải 1	Hải An	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1402	Hoàng Việt	Trung	2/Aug/07	51200420	3A7	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1403	Nguyễn Phạm Thanh	Hòa	3/Feb/07	51200423	3A8	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1404	Trần Tú	Uyên	29/Jan/07	51203773	3a1	3	Nguyễn Văn Tổ	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1405	Khúc Thiên	Ngân	19/Oct/07	51204204	3A11	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1406	Trần Hương	Ly	17/Dec/07	51204214	3A3	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1407	Tiền Phương	Anh	5/Aug/07	51204231	3A6	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1408	Lưu Thương	Hà	26/Mar/07	51202603	3A7	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1409	Nguyễn Thê	Nhân	23/Nov/07	51202604	3A7	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1410	Nguyễn Tường	Linh	14/Jul/07	51202605	3A7	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1411	Phan Nguyễn Phương	Uyên	16/Jun/07	51204236	3A7	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1412	Dương Khắc Tuấn	Sang	1/Feb/07	51204243	3A9	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1413	Nguyễn Phương	Thảo	27/Feb/07	51204249	3A9	3	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1414	Lê Minh	Quân	5/Jun/06	51204252	4A1	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 4	Ca 4 (16:15-18:15)
1415	Đào Quỳnh	Hương	9/Jan/05	51202647	4A2	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1416	Ngô Ngọc	Hà	31/Oct/06	51202646	4A2	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1417	Phạm Thảo	Linh	22/Jun/06	51202610	4A4	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1418	Vũ Ngọc	Hải	24/Apr/06	51204262	4A4	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1419	Nguyễn Hiền	Trang	21/Nov/06	51206105	4A6	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1420	Nguyễn Hương Trà	My	24/Feb/06	51206169	4A6	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1421	Nguyễn Minh	Nhật	4/Jan/06	51204266	4A6	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1422	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	25/Oct/06	51202631	4A6	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1423	Đình Thế	Minh	25/Jun/06	51204270	4A7	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1424	Nguyễn Gia	Khánh	4/Mar/06	51204273	4A7	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1425	Đỗ Trường	Duy	3/Feb/06	51202637	4A8	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1426	Hà Ngọc	Nhi	8/Apr/06	51204278	4A8	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1427	Nguyễn Huy	Thái	12/Dec/06	51204281	4A8	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1428	Phạm Nguyễn Linh	Anh	9/Oct/06	51204284	4A8	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1429	Trương Văn	Đức	29/Jan/06	51204286	4A8	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1430	Đào Hà	My	22/Sep/06	51202639	4A9	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1431	Lê Nguyễn Tố	Quyên	23/Jul/06	51202640	4A9	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1432	Nguyễn Hữu	Đức	4/Oct/06	51204298	4A9	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1433	Quản Xuân	Đạt	1/Sep/06	51204304	4A9	4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1434	Nguyễn Đức	Hiệp	29/Sep/05	51202564	5A1	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1435	Nguyễn Quang	Đai	25/Jun/05	51204306	5A1	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1436	Nguyễn Việt	Son	21/Apr/05	51204308	5A2	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1437	Phạm Lê Thanh	Vân	15/Nov/05	51201450	5A3	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1438	Nguyễn Minh	Quân	25/Aug/05	51204310	5A4	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 5	Ca 4 (16:15-18:15)
1439	Nguyễn Ngọc Minh	Quang	22/Jan/05	51204312	5A4	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1440	Nguyễn Phương	Thảo	18/Jun/05	51202649	5A4	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1441	Phạm Phương	Linh	11/Aug/05	51204313	5A4	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1442	Vũ Kiều	Linh	12/Aug/05	51202650	5A4	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1443	Vũ Thùy	Linh	17/Feb/05	51201453	5A4	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1444	Đào Minh	An	28/Jun/05	51202651	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1445	Đỗ Đức	Mạnh	26/Oct/05	51204319	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1446	Đỗ Việt	Cường	13/Sep/05	51204320	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1447	Hoàng Mai	Phương	18/Jan/05	51202652	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1448	Lại Thế	Tĩnh	4/Oct/05	51204321	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1449	Lương Thị Minh	Phương	12/Feb/05	51202653	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1450	Nguyễn Minh	Hiếu	9/Sep/05	51204323	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1451	Vũ Hà	Linh	6/Jul/05	51204327	5A7	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1452	Lê Tùng	Nam	29/Mar/05	51202658	5A8	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1453	Nguyễn Phương	Linh	4/Jan/05	51204328	5A8	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1454	Bùi	Đức	7/Jul/05	51204330	5A9	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1455	Đỗ Phúc	Lâm	13/Aug/05	51204331	5A9	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1456	Trần Trọng	Khang	9/Mar/05	51202660	5A9	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1457	Trần Tùng	Lâm	22/Nov/05	51204337	5A9	5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1458	Đặng Minh	Châu	5/Apr/06	51201447		4	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1459	Hoàng Khánh	Uyên	5/Feb/05	51201451		5	TH Nguyễn Đức Cảnh	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1460	Đặng Trần Thái	Hà	20/Jul/06	51204489	4A1	4	TH Vĩnh Niệm	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1461	Phạm Bình	Minh	11/Aug/06	51204492	4A1	4	TH Vĩnh Niệm	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1462	Trịnh Ngọc	Hà	11/Oct/06	51204493	4A1	4	TH Vĩnh Niệm	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 6	Ca 4 (16:15-18:15)
1463	Bạch Thành	Hưng	29/Mar/07	51204497	3C1	3	TH Võ Thị Sáu	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1464	Đào Trung	Dũng	1/Mar/07	51200392	3A1	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1465	Đàm Thùy	Anh	24/Oct/07	51200393	3A10	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1466	Đặng Hoài	Nam	19/Aug/07	51200394	3A10	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1467	Ngô Thị Minh	Thư	18/Jul/07	51200395	3A10	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1468	Nguyễn Khánh	Hưng	8/Jun/07	51200396	3A10	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1469	Nguyễn Quang	Anh	27/Mar/07	51200397	3A10	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1470	Trần Tiến	Anh	22/Aug/07	51200401	3A10	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1471	Ngô Xuân	Dũng	13/Jan/07	51200405	3A4	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1472	Nguyễn Ngọc	Quang	25/Dec/07	51200407	3A4	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1473	Nguyễn Phương	Nhi	6/Jul/07	51200408	3A4	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1474	Nguyễn Thảo	Anh	24/Jan/07	51200409	3A4	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1475	Nguyễn Vĩ Hoàng	Son	30/Nov/07	51200410	3A4	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1476	Phạm Ngọc	Hiếu	17/Jun/07	51200413	3A5	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1477	Bùi Gia	Phát	24/May/07	51200424	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1478	Bùi Quang	Minh	13/Apr/07	51200426	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1479	Đào Tiến	Đạt	6/Mar/07	51200428	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1480	Đỗ Ngọc Thảo	Vy	24/Oct/07	51200430	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1481	Giang Cao Thái	Uyên	2/Aug/07	51200432	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1482	Nguyễn Hoàng	Phúc	14/Aug/07	51200438	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1483	Nguyễn Thị Phương	Linh	8/Jul/07	51200440	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1484	Phạm Thái	Dương	2/Mar/07	51200443	3A9	3	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1485	Phó Thùy	Linh	27/Sep/06	51200450	4A1	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1486	Đào Nguyên	Khánh	19/Mar/06	51200451	4A2	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 7	Ca 4 (16:15-18:15)
1487	Nguyễn Đức	Mạnh	15/Feb/06	51200452	4A2	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1488	Phạm Đặng Phương	Trình	1/Dec/06	51200454	4A2	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1489	Nguyễn Tùng	Lâm	17/Apr/06	51200460	4A3	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1490	Trịnh Nam	Trung	28/Nov/06	51200461	4A3	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1491	Trịnh Thùy	Dương	5/May/06	51200462	4A3	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1492	Dương Thủy	Bình	6/Jul/06	51200463	4A4	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1493	Nguyễn Khánh	Toàn	4/Jun/06	51200465	4A4	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1494	Vũ Việt	Ngọc	23/Jan/06	51200469	4A4	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1495	Lê Trung	Kiên	13/Oct/06	51200471	4A5	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1496	Nguyễn Khánh	Ngọc	27/Jul/06	51200475	4A5	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1497	Nguyễn Khánh	Vy	17/Oct/06	51200476	4A5	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1498	Phạm Duy	Minh	28/Nov/06	51200477	4A5	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1499	Đinh Hải	Hà	26/Aug/06	51200482	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1500	Doãn Hà	Anh	27/Aug/06	51200483	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1501	Hoàng Trần Bảo	Ngân	18/Jan/06	51200485	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1502	Lê Hoàng	Hiệp	25/Jul/06	51200486	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1503	Ngô Nguyễn Hồng	Nhung	21/Feb/06	51200487	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1504	Nguyễn Phan Anh	Vũ	16/Jan/06	51200488	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1505	Phạm Khánh	Toàn	12/Jan/06	51200491	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1506	Phạm Tiến	Anh	13/Oct/06	51200492	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1507	Tạ Phương	Uyên	19/Dec/06	51200493	4A6	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1508	Hà Tùng	Lâm	17/Nov/06	51200497	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1509	Liu Ngọc	Đình	18/Dec/06	51200498	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1510	Nguyễn An	Khang	28/Jan/06	51200500	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 8	Ca 4 (16:15-18:15)
1511	Nguyễn Duy	Hung	27/Jan/06	51200501	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1512	Nguyễn Lê Phương	Anh	10/Nov/06	51200502	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1513	Nguyễn Phương	Thảo	14/Jan/06	51200504	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1514	Nguyễn Trường	Phát	18/Jun/06	51200505	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1515	Phạm Bùi Nam	Khánh	6/May/06	51200506	4A7	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1516	Đoàn Bảo	Khánh	8/Jan/06	51200513	4A8	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1517	Nguyễn Minh	Nhật	25/Jan/06	51200514	4A8	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1518	Nguyễn Yến	Nhung	15/Apr/06	51200515	4A8	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1519	Trần Thảo	Phương	13/Feb/06	51200517	4A8	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1520	Trần Vũ Uyên	Nhi	15/Sep/06	51200518	4A8	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1521	Nguyễn Hà	Anh	18/Jul/06	51200520	4A9	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1522	Phạm Hoàng	Nam	12/Apr/06	51200521	4A9	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1523	Vũ Thanh	Tâm	16/Apr/06	51200522	4A9	4	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1524	Cao Bùi Nhật	Hạ	11/Nov/05	51200523	5A1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1525	Đỗ Thị Huyền	Trang	24/Mar/05	51200525	5A1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1526	Lâm Anh	Thư	8/Oct/05	51200526	5A1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1527	Nguyễn Hữu	Khánh	22/Dec/05	51200527	5A1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1528	Nguyễn Khánh	Duy	12/Feb/05	51200528	5A1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1529	Nguyễn Thanh	Bình	14/Nov/05	51200529	5A1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1530	Phạm Đức	Kiên	26/May/05	51200530	5A1	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1531	Bùi Đăng	Nguyên	27/Dec/05	51200531	5A2	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1532	Lê Thị Ánh	Ngọc	18/Nov/05	51200535	5A2	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1533	Phạm Thị Hà	My	11/Oct/05	51200536	5A2	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1534	Nguyễn Minh	Châu	22/Dec/05	51204957	5A3	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 9	Ca 4 (16:15-18:15)
1535	Phạm Nam	Phong	30/May/05	51204958	5A3	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1536	Đào Vũ Anh	Thư	4/Mar/05	51200539	5A4	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1537	Hồ Gia	Vy	16/Sep/05	51200541	5A4	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1538	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	13/Mar/05	51200542	5A4	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1539	Trịnh Long	Vũ	11/Oct/05	51200543	5A4	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1540	Bùi Đoàn Anh	Thư	16/Dec/05	51200544	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1541	Đặng Châu	Băng	10/Jul/05	51200546	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1542	Đặng Thị Hương	Giang	13/Jun/05	51200547	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1543	Hoàng Thị Anh	Thư	2/Feb/05	51200549	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1544	Lê Đức	Mạnh	30/Jun/05	51200550	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1545	Lê Thị Quỳnh	Anh	10/Jul/05	51200551	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1546	Nguyễn Đại	Ninh	2/Feb/05	51200554	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1547	Nguyễn Việt	Dũng	13/Nov/05	51200557	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1548	Phạm Xuân	Linh	26/Mar/05	51200558	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1549	Trần Song	Long	11/May/05	51200559	5A7	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1550	Ngô Quốc	An	2/Aug/05	51200562	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1551	Nguyễn Hoàng	Nam	20/Aug/05	51200565	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1552	Nguyễn Hoàng	Mạnh	8/May/05	51200566	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1553	Nguyễn Thái Sơn	Anh	16/Dec/05	51200568	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1554	Nguyễn Thảo	Vi	13/Jan/05	51200569	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1555	Phạm Hà	Vy	26/Dec/05	51200571	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1556	Phạm Hải	Anh	4/Aug/05	51200572	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1557	Phạm Quang	Bách	12/Apr/05	51200573	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1558	Võ Thái Hoàng	Hung	16/May/05	51200575	5A8	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 10	Ca 4 (16:15-18:15)
1559	Nguyễn Thị vân	Anh	24/Sep/05	51200576	5A9	5	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)
1560	Vũ Hải	Trường	10/Jan/06	51204546	4C2	4	TH Võ Thị Sáu	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)

STT No.	Họ và tên Full name		Ngày/tháng/năm sinh Date of birth dd/mm/yyyy	Số báo danh	Lớp Class	Khối Grade	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Giờ thi
1561	Vũ Quang	Hung	24/Aug/05	51203748	5A1	5	Nguyễn Công Trứ	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)
1562	Nguyễn Danh Trường	Thịnh	23/Jul/05	51203754	5A3	5	Nguyễn Công Trứ	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)
1563	Đặng Phương	Uyên	19/Jan/05	51204026	5A4	5	Nguyễn Văn Tổ	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)
1564	Vũ Quế	San	14/Jan/05	51204153	5	5	TH Lê Văn Tám	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)
1565	Phùng Tuấn	Minh	9/Feb/07	51204437	3A1	3	TH Trưng Vương	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)
1566	Nghiêm Hà	Linh	20/Jan/07	51204495	3A1	3	TH Võ Thị Sáu	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 11	Ca 4 (16:15-18:15)
1567	Nguyễn Ngọc	Diệp	11/Apr/05	51204362	5A4	5	TH Tân Trào	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 21	Ca 2 (10:00-12:00)
1568	Trần Thị Ngọc	Minh	15/Dec/05	51204371	5A4	5	TH Tân Trào	Lê Chân	Hải Phòng	Phòng thi số 21	Ca 2 (10:00-12:00)